BAN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN THUỘC QUYỀN SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CTCP KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ. VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN NÀY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ CỦA CÔNG TY

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CTCP KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)
Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3824 0703 - Fax: (84-4) 6278 0136

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA
Trụ sở chính: 248 Thống Nhất, Phương Sơn, Nha Trang, Khánh Hòa
Điện thoại: (84-58) 3821283 Fax: (84-58) 3823846

TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG (OCS)
Trụ sở chính: Tầng 1&7 – tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17 – KĐTM Trung Yên, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 37726699 - Fax:04 37726763

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)
Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39412626 - Fax: (84.4) 39347818

Hà Nội, tháng 03 năm 2016

BAN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN THUỘC QUYỀN SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CTCP KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ. VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN NÀY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ CỦA CÔNG TY

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CTCP KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3824 0703 - Fax: (84-4) 6278 0136

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Trụ sở chính: 248 Thống Nhất, Phương Sơn, Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: (84-58) 3821283 Fax: (84-58) 3823846

TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG (OCS)

Trụ sở chính: Tầng 1&7 – tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17 – KĐTM Trung Yên, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04 37726699 - Fax:04 37726763

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39412626 - Fax: (84.4) 39347818

Hà Nội, tháng 03 năm 2016

THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

1. Thông tin về tổ chức phát hành

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa
- Địa chỉ: 248 Thống Nhất, P. Phương Sơn, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Vốn điều lệ hiện tại: 140.000.000.000 đồng *(Một trăm bốn mươi tỷ đồng)*
- Tổng số cổ phần: 14.000.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, chế biến khoáng sản.

2. Thông tin về đợt chào bán

- Tổ chức chào bán cổ phần: **Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước**
- Tên cổ phần chào bán: Cổ phần Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa
- Loại cổ phần chào bán: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Tổng số lượng chào bán: **12.500.000** cổ phần *(Mười hai triệu năm trăm nghìn cổ phần)* tương đương 89,29% vốn điều lệ
- Phương thức chào bán:
  - Chào bán thông qua đấu giá công khai: 3.750.000 cổ phần *(Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn cổ phần)*
  - Chào bán cho đối tác chiến lược: 8.750.000 cổ phần *(Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn cổ phần)*
- Chuyển quyền sở hữu: Chuyển nhượng trực tiếp tại Tổ chức phát hành

3. Tổ chức Tư vấn bán đấu giá

Công ty Cổ phần chứng khoán Đại Dương

Trụ sở chính: Tầng 1&7 – tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17 – KĐTM Trung Yên, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04 37726699 - Fax: 04 37726763

4. Tổ chức thực hiện đấu giá

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39412626 - Fax: (84.4) 39347818

MỤC LỤC

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ 5
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 7
1. Rủi ro về kinh tế 7
2. Rủi ro pháp luật 10
3. Rủi ro cạnh tranh 11
4. Rủi ro đặc thù 11
5. Rủi ro từ đợt chào bán 12
6. Rủi ro khác 13
1. Tổ chức phát hành 14
2. Tổ chức tư vấn bán đấu giá 14
3. Tổ chức chào bán cổ phần 14
III. CÁC KHÁI NIỆM 15
IV. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN CỔ PHẦN 16
V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ 17
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 17
1.1. Giới thiệu về công ty 17
1.2. Quá trình hình thành và phát triển 17
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty 18
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 18
4. Cơ cấu vốn cổ phần Công ty đến ngày 30/09/2015 24
5. Danh sách các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ của Công ty tính đến ngày 30/09/2015 24
6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty 24
7. Hoạt động kinh doanh 26
7.1. Sản phẩm/dịch vụ chủ yếu 26
7.2. Các hợp đồng lớn đang thực hiện và ký kết 31
7.3. Cơ cấu doanh thu 32
7.4. Cơ cấu chi phí sản xuất 34
7.5. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế 37
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm 37

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm....37
8.2. Phân tích SWOT....40
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành....42
9.1. Triển vọng phát triển của ngành....42
9.2. Triển vọng phát triển của Công ty....42
10. Chính sách đối với người lao động....43
10.1. Cơ cấu lao động Công ty tại 30/09/2015....43
10.2. Chính sách đối với người lao động....44
11. Chính sách cổ tức....44
12. Tình hình tài chính....45
12.1. Các chỉ tiêu cơ bản....45
12.2. Tình hình công nợ với SCIC....53
12.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu....54
13. Tài sản....56
14. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng....62
15. Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm tiếp theo....63
17. Kế hoạch đầu tư các dự án và tái cấu trúc các công ty con....64
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty....65
19. Các lưu ý về Bản Công bố thông tin....65
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN CỔ PHẦN....67
1. Những thông tin cơ bản về đợt bán cổ phần....67
2. Mục đích chào bán....68
3. Địa điểm công bố thông tin....68
4. Đối tượng tham gia đấu giá và các quy định liên quan....68
5. Nộp đơn đăng ký tham gia đấu giá....69
6. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá....69
7. Làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần:....69
8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài....69
9. Các loại thuế có liên quan: Theo quy định của Pháp luật hiện hành....69
10. Ngân hàng mở tài khoản nhận tiền mua cổ phần:....69
VII. THAY LỜI KẾT....70
VIII. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM....70

NỘI DUNG

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Nghị định 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;
- Nghị định số 57/2014/NĐ-CP ngày 16/06/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;
- Quyết định số 05/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 25/02/2015 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;
- Quyết định số 06/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 11/04/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc ban hành Quy chế bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;
- Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 về Một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;
- Công văn số 2660/BTC-UBCK hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến thoái vốn thông qua đấu giá cổ phần và việc niêm yết, đăng ký giao dịch của các doanh nghiệp cổ phần hóa;

- Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24/04/2007 của Bộ Tài chính về việc banh hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Chứng khoán;
- Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Hợp đồng số 26/2013/OCS-SCIC ngày 8/10/2013 giữa Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Dương với Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về tổ chức đấu giá cổ phần thuộc phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa;
- Quyết định số 52/QĐ-ĐTKDV ngày 18/02/2016 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước về việc bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa;
- Công văn số 379/ĐTKDV-QLVĐT3 ngày 18/02/2016 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước về việc tổ chức bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Tiếp tục bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế từ những năm trước, năm 2012 nền kinh tế Việt Nam tiếp tục gặp khó khăn và tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn. Điều này được thể hiện rõ nhất ở tốc độ tăng trưởng kinh tế trong năm 2012 chỉ đạt 5,03%, thấp nhất trong các năm từ 2009 trở lại đây, và thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu 6,5% mà Chính phủ đề ra.

Biểu 1: Tốc độ tăng trưởng GDP và CPI qua các năm

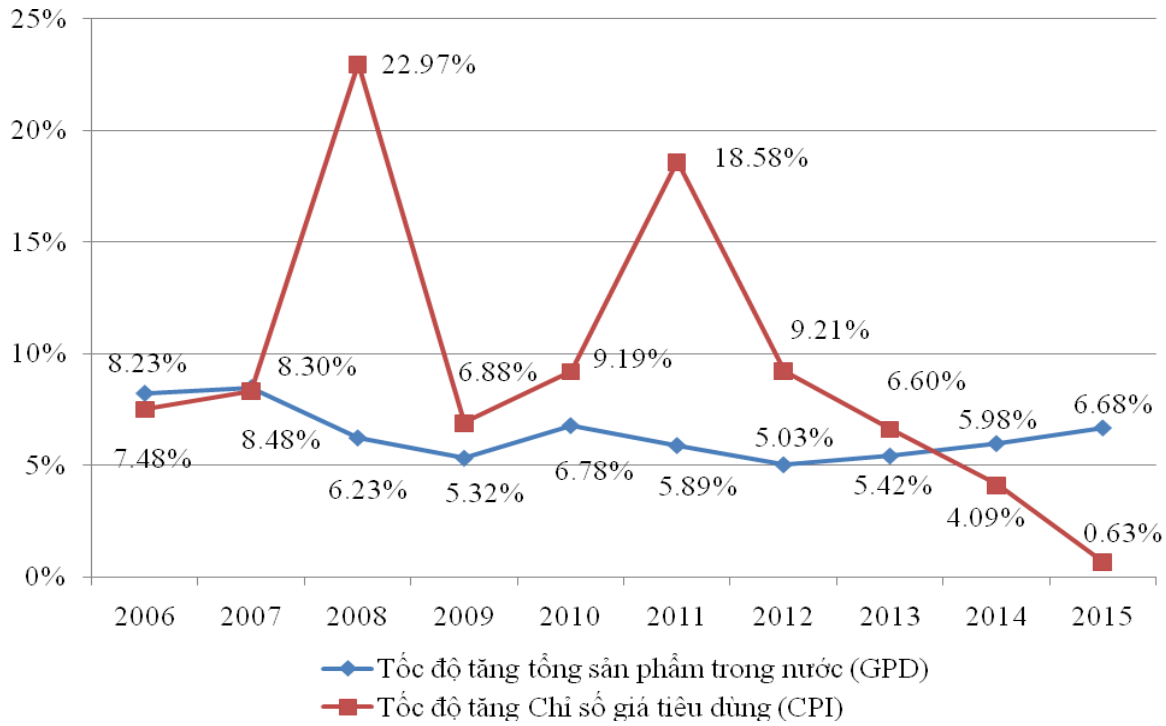

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Cũng như các nền kinh tế đang phát triển trên thế giới, Kinh tế Việt Nam đã từng bước vượt qua khủng hoảng môi trường kinh tế vĩ mô từng bước ổn định và chuyển biến tích cực, lạm phát đang trên đà suy giảm, thâm hụt thương mại và ngân sách được kiềm chế và các chính sách quản lý tiền tệ được thực hiện một cách hiệu quả, tốc độ tăng trưởng kinh tế từng bước được cải thiện bền vững. Từ năm 2013 tốc độ tăng trưởng GDP đã liên tục hoàn thành mục tiêu với tốc độ tăng trưởng GDP các năm 2013, 2014 lần lượt là 5,42% và 5,98%.

Năm 2015, tốc độ tăng GDP đạt mức cao nhất trong 8 năm qua, ước cả năm tăng trưởng GDP đạt khoảng 6,68%, cùng với dấu hiệu cải thiện và phục hồi sản xuất của nhiều ngành kinh tế đã cho phép các chuyên gia có những cái nhìn lạc quan đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm tiếp theo. Một số kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội trong năm 2015 như sau:

- Lạm phát được kiểm soát, chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp: Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2015 tăng 0,6% so với tháng 12/2014; bình quân cả năm 2015 tăng 0,63%. Chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp, nhưng không có biểu hiện giảm phát. Tiêu dùng trong nước, sức mua và tổng cầu đã tăng khá mạnh; tăng trưởng kinh tế cao nhất trong vòng 8 năm qua. Lạm phát cơ bản bình quân cả năm 2015 tăng 2,05% so với năm trước.
- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 đạt mức cao nhất trong 8 năm qua: tốc độ tăng GDP có xu hướng tăng nhanh sau từng Quý (Quý 1 tăng 6,12%; Quý 2 tăng 6,47%; Quý 3 tăng 6,87% và Quý 4 tăng 7,01%). Ước cả năm, tăng trưởng GDP đạt khoảng 6,68%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008, cao hơn số đã báo cáo Quốc hội (khoảng 6,5%) và cao hơn mục tiêu đề ra là 6,2%. Trong mức tăng 6,68% của toàn nền kinh tế, Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,41%, thấp hơn mức 3,44% của năm 2014; đóng góp 0,4 điểm phần trăm, Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,64%, cao hơn nhiều mức tăng 6,42% của năm trước, đóng góp 3,20 điểm phần trăm, trong đó ngành công nghiệp tăng 9,39% so với năm trước (công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,60%); ngành xây dựng tăng 10,82%, Khu vực dịch vụ tăng 6,33%, đóng góp 2,43 điểm phần trăm.
- Riêng về sản xuất công nghiệp: Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 9,8% so với năm 2014, cao hơn nhiều mức tăng 5,9% của năm 2013 và 7,6% của năm 2014. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 6,5%; ngành chế biến, chế tạo tăng 10,6%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,4%.
- Về xuất nhập khẩu: Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 162,44 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm 2014; tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt 165,6 tỷ USD, tăng 12% so với năm 2014; nhập siêu khoảng 3,17 tỷ USD, bằng khoảng 2% tổng kim ngạch xuất khẩu. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2015 ước tính đạt 165,6 tỷ USD, tăng 12% so với năm trước, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 98 tỷ USD, tăng 16,4%; khu vực kinh tế trong nước đạt 67,6 tỷ USD, tăng 6,3%. Về cơ cấu hàng hóa nhập khẩu, nhóm hàng tư liệu sản xuất chiếm tới 91,3% tổng kim ngạch, tăng 0,2 điểm phần trăm so với năm 2014, còn lại là hàng tiêu dùng.
- Năm 2015, cả nước có 94.754 doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký 601.519 tỷ đồng; so với năm trước, tăng 26,6% về số doanh nghiệp và tăng 39,1% về số vốn đăng ký (so sánh 2014/2013: doanh nghiệp giảm 2,7%; vốn tăng 8,4%). Vốn đăng ký bình quân/doanh nghiệp đạt 6,3 tỷ đồng, tăng 9,9% so với năm trước. Có 21.506

doanh nghiệp trước đây gặp khó khăn ngừng hoạt động nay quay lại hoạt động, tăng 39,5% so với năm trước.

- Năm 2015, tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 1.367,2 nghìn tỷ đồng, tăng 12% so với năm trước và bằng 32,6% GDP. Vốn FDI thực hiện năm 2015 ước đạt 14,5 tỷ USD, tăng 17,4% so với năm 2014; vốn đăng ký ước đạt 22,76 tỷ USD, tăng 12,5%; số dự án cấp mới tăng 26,8%; số lượt dự án tăng thêm vốn tăng 37%.

Việc điều hành nền kinh tế một cách ổn định và hiệu quả của Chính phủ sẽ giúp giảm thiểu các rủi ro kinh tế cho các doanh nghiệp nói chung và cho Công ty nói riêng.

1.2. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát trong nền kinh tế. Trong những năm gần đây Việt Nam liên tục đứng trước sức ép của lạm phát gia tăng.

Giai đoạn 2010-2013, Tỷ lệ lạm phát (CPI) tiếp tục duy trì ở mức cao, trong đó năm 2011 lạm phát đã đạt mốc 18,13% ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của nền kinh tế, giá cả leo thang, các doanh nghiệp huy động vốn với lãi suất cao, chi phí tài chính tăng dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh suy giảm.

Trong điều kiện đó, Chính Phủ đã có nhiều quyết sách quyết liệt để kiềm chế lạm phát qua đó từng bước ổn định vĩ mô, từng bước tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp. Nhờ đó lạm phát từng bước được kiềm chế và có xu hướng giảm kể từ 3 năm qua với chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2013, năm 2014 và năm 2015 lần lượt là 6,6%, 4,09%, và 0,63% đây là mức tăng thấp nhất trong 14 năm trở lại đây.

1.3. Lãi suất

Sự biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến các chi phí lãi vay hàng năm của Doanh nghiệp. Rủi ro thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nợ và lãi vay thả nổi của các khoản vay đầu tư. Hiện tại các khoản vay này có lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo kỳ trả nợ 3 tháng. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình có liên quan thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn vay thích hợp. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh kế hoạch dòng tiền phù hợp.

Trong ba năm trở lại đây, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNNVN) tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm hiện tại đã giảm mạnh xuống, phổ biến ở mức 7 – 9%/ năm.

1.4. Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Giai đoạn 2011-2015, để ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ, Ngân hàng Nhà nước đã thay đổi cơ chế tỷ giá và can thiệp sâu vào thị trường ngoại tệ bằng những biện pháp mua bán, duy trì chính sách chênh lệch lãi suất VNĐ và USD nhằm đảm bảo nắm giữ tiền đồng có lợi hơn so với USD. Năm 2015, được coi là một năm đầy biến động , nhiều thách thức trong chính sách tiền tệ và chính sách tỉ giá trước bối cảnh USD liên tục lên giá do kỳ vọng Fed điều chỉnh tăng lãi suất và Trung Quốc bất ngờ điều chỉnh mạnh tỷ giá đồng Nhân dân tệ, kéo theo làn sóng giảm giá mạnh của các đồng tiền của các đối tác thương mại chính của Việt Nam. Trước những diễn biến trên, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thể hiện sự chủ động và có những bước điều chỉnh linh hoạt để hỗ trợ xuất khẩu cũng như bình ổn thị trường ngoại hối: thực hiện điều chỉnh tăng tỉ giá 3% và nới biên độ thêm 2% từ mức +/-1% lên +/-3%.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa có hoạt động xuất khẩu cát silic, do vậy, sự biến động tỷ giá hối đoái sẽ có tác động lớn làm thay đổi tổng doanh thu (tính ra đồng Việt Nam) của Công ty.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa hoạt động trong lĩnh vực khai thác và cung cấp cát silic, và các loại vật liệu xây dựng khác, do vậy Công ty chịu tác động trực tiếp từ những biến động của nền kinh tế, biến động giá cả hàng hóa, các chính sách của Nhà nước. Đứng trước những khó khăn bộ máy lãnh đạo và tập thể CBCNV Công ty có chính sách sản xuất kinh doanh thích hợp, chính sách tiết kiệm chi phí để đảm bảo đạt được mục tiêu doanh thu lợi nhuận đã đề ra

2. Rủi ro pháp luật

Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới. Do vậy, hệ thống pháp luật của Nhà nước không ngừng được chỉnh sửa, bổ sung và ban hành mới. Các văn bản pháp luật của Việt Nam chưa thật sự hoàn chỉnh và có nhiều quy định chồng chéo. Các thay đổi về luật pháp sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Là doanh nghiệp được tổ chức theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa chịu ảnh hưởng của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán. Các văn bản hướng dẫn thi hành các luật này còn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, với hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, Công ty còn chịu chi phối bởi các Luật khoáng sản, Luật đất đai …với rất nhiều thủ tục hành chính phức tạp, còn nhiều bất cập, trùng chéo, thường xuyên thay đổi và còn thiếu thống nhất

trong một số quy định giữa địa phương và trung ương. Điều này ảnh hưởng không nhỏ cho việc hoạch định kế hoạch kinh doanh và chiến lược phát triển Công ty.

3. Rủi ro cạnh tranh

So với các doanh nghiệp có cùng quy mô vốn hoạt động trong ngành khai thác và chế biến khoáng sản đã niêm yết trên thị trường giao dịch tập trung, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa là một trong những doanh nghiệp có hiệu quả hoạt động rất tốt, với ROE năm 2014 đạt 13,86%.

STT	Mã CK	Số CP đang lưu hành	Vốn CSH 30/09/2015 (1.000 VND)	EPS cơ bản (VND)	Book value (VND/cp)	ROE 2014 (%)	ROA 2014 (%)
1	BMC	12.392.630	192.532.939	958	15.536	9,63	7,96
2	C32	11.200.000	299.187.635	7.262	26.713	29,9	20,41
3	DHA	15.061.213	330.397.685	2.541	21.937	4,91	4,51
4	DHM	23.498.370	282.103.599	327	12.005	1,15	0,89
5	KSB	23.400.000	565.297.953	5.183	24.158	20,52	13,16
6	NNC	13.152.261	252.344.883	9.475	19.186	47,8	35,46
7	CMI	16.000.000	186.480.482	900	11.655	20,75	9,31
8	HGM	11.920.720	206.827.640	1.515	17.350	12,07	9,66
9	HLC	25.415.199	292.000.754	1.143	11.489	14,52	1,51
10	KSQ	15.000.000	164.897.921	662	10.993	7,1	5,71
11	TC6	12.998.694	332.402.105	3.986	25.572	13,77	3,22
12	TCS	14.999.229	289.681.170	14.959	19.313	1,61	0,25
13	TDN	16.000.000	310.959.372	627	19.435	9,72	2,62

Nguồn: www.vietstock.vn ngày 27/01/2016

4. Rủi ro đặc thù

4.1. Rủi ro ngành

Do đặc điểm của ngành nghề, việc khai thác diễn ra ngoài trên, nên hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn vào những thay đổi của điều kiện tự nhiên: mưa gió, bão, lũ lụt,.. nằm ngoài khả năng kiểm soát, có thể khiến hoạt động khai thác bị ngưng trệ, ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa.

Một rủi ro khác về khai thác là khả năng đánh giá chính xác về trữ lượng, chất lượng khoáng sản và công suất khai thác. Công suất khai thác thực tế không đạt được như trữ lượng ước tính ban đầu, hoặc không đủ để khai thác công nghiệp, doanh nghiệp phải chịu thua lỗ sẽ đẩy chi phí giá thành lên cao, giảm sức cạnh tranh của sản phẩm, và hiệu quả thu được không lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

4.2. Rủi ro về giấy phép khai thác mỏ

Thời hạn khai thác mỏ của CTCP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra, nếu hoạt động khai thác mỏ của CTCP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro về việc bị rút hoặc không cho phép gia hạn giấy phép khai thác mỏ đối với CTCP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa là không nhiều do năng lực và chất lượng khai thác của CTCP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn. Tuy nhiên, rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa.

4.3. Rủi ro về môi trường

Ngành công nghiệp khai thác khoáng sản còn phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về môi trường như sức ép bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Do việc khai thác các mỏ cát tại Khánh Hòa là khai thác lộ thiên các đồi cát, nên sức tàn phá môi trường lớn, diện tích bề mặt khai thác rộng, có thể gây nên hiệu ứng ô nhiễm không khí, nguy cơ mất an toàn cho cuộc sống của người dân khi mùa mưa bão cận kề bởi các đồi cát như bình phong để chắn gió, chắn bão. Những năm qua, ngay trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng phụ trợ, song song với việc cải tạo phục hồi môi trường, Minexco đã chú trọng đầu tư kinh phí để xây dựng các công trình tái tạo môi trường, như: hồ lắng, hồ trung hòa, bãi chứa chất thải rắn, công trình xử lý nước thải khai thác và tiếp sau đó là công tác phục hồi môi trường sau khai thác cũng chiếm một lượng kinh phí không nhỏ…

Hơn thế nữa, xu hướng gia tăng ngày càng cao của các khoản phí bảo vệ môi trường, phí tài nguyên môi trường, phí xử lý nước thải, phí khai thác tận thu khoáng sản, tiền thu đất khai thác khoáng sản cũng là sức ép không nhỏ tới kết quả hoạt động kinh doanh của CTCP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa.

5. Rủi ro từ đợt chào bán

Việc chào bán cổ phiếu thành công hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: nhu cầu cổ phiếu ngành khai khác khoáng sản, vật liệu xây dựng, xuất nhập khẩu, cung cầu cổ phiếu toàn thị trường cũng như tâm lý, sự kỳ vọng của nhà đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa tại thời điểm chào bán.

Đợt chào bán có rủi ro là số lượng cổ phiếu chào bán không được mua hết , tuy nhiên đây là đợt chào bán nhằm chuyển quyền sở hữu cổ phần tại Doanh nghiệp , không phải thuộc đợt chào bán huy động vốn , do đó trong trường hợp không bán hết thì hoạt động của Doanh nghiệp vẫn diễn ra bình thường.

6. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Trụ sở chính: 248 Thống Nhất, P. Phương Sơn, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (84-58) 3821283 Fax: (84-58) 3823846

Chúng tôi xác nhận rằng SCIC là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với số cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho Công ty mà chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

2. Tổ chức tư vấn bán đấu giá

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Trụ sở chính: Tầng 1&7 – Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17 – KĐTM Trung Yên, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 37726699 - Fax: (84-4) 37726763

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa tham gia lập và công bố trên cơ sở Hợp đồng số 26/2013/OCS-SCIC ngày 08/10/2013 giữa Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Dương với Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về tổ chức đấu giá cổ phần thuộc phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa cung cấp. Bản Công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo.

3. Tổ chức chào bán cổ phần

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3824 0703 - Fax: (84-4) 6278 0136

III. CÁC KHÁI NIỆM

Một số từ hoặc nhóm từ sử dụng trong Bản Công bố thông tin được hiểu như sau:

Công ty	: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa
Minexco	: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa
Tổ chức phát hành	: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa
Đại diện phần vốn nhà nước	: Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – SCIC
SCIC	: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
Tổ chức thực hiện đấu giá	: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Tổ chức tư vấn bán đấu giá	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
BKS	: Ban Kiểm soát
HĐQT	: Hội đồng Quản Trị
CTCP	: Công ty cổ phần
CP	: Cổ phần
DT	: Doanh thu
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
TSCĐ	: Tài sản cố định
SX	: Sản xuất
EPS	: Earning Per Share (thu nhập trên một cổ phiếu)
BCTC	: Báo cáo tài chính

IV. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Thông tin về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)

1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) được thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Với chức năng quản lý, đầu tư, và kinh doanh vốn nhà nước, sự ra đời của SCIC nằm trong tiến trình cải cách kinh tế nói chung và cải cách doanh nghiệp nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước. SCIC là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, thực hiện đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng của kinh tế nhà nước trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc thị trường.

Chính thức đi vào hoạt động tháng 8 năm 2006, SCIC quản lý danh mục đầu tư gồm các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: dịch vụ, tài chính, năng lượng, công nghiệp, viễn thông, xây dựng, vận tải, hàng tiêu dùng, y tế, công nghệ thông tin.

SCIC được Thủ tướng chính phủ ra quyết định chuyển sang mô hình Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 992/QĐ-TTg ngày 10/06/2010.

1.2. Mối quan hệ với công ty có cổ phiếu được chào bán

SCIC là cổ đông Nhà nước của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa.

1.3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần chào bán/tổng số lượng cổ phần đang lưu hành

Tại thời điểm 30/09/2015 số cổ phiếu lưu hành của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa là 14.000.000 cổ phần. Tổng số cổ phần SCIC đang sở hữu là 12.500.000 cổ phần tương đương 89,29% vốn điều lệ.

1.4. Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu

SCIC chào bán 12.500.000 cổ phần đang sở hữu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa, tương đương tỷ lệ chào bán/tỷ lệ sở hữu là 89,29%. Trong đó: chào bán thông qua đấu giá công khai 3.750.000 cổ phần, và chào bán cho đối tác chiến lược 8.750.000 cổ phần.

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về công ty

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA**

Tên tiếng Anh : Khanh Hoa Mining and Investment Joint Stock Company

Tên viết tắt : MINEXCO

Trụ sở chính : 248 Thống Nhất, Phường Phương Sơn, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Số điện thoại : (84-58) 3 821282 Fax: (84-58) 3 823846

Vốn điều lệ : **140.000.000.000** đồng *(bằng chữ: Một trăm bốn mươi tỷ đồng)*

Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4200541959 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 15/07/2009 và thay đổi lần thứ 1 ngày 15/12/2009.

Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác, chế biến khoáng sản. Dịch vụ tư vấn địa chất và khai thác mỏ lộ thiên;
- Dịch vụ khách sạn, du lịch và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình dân dụng.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Đầu Tư Khánh Hòa (MINEXCO), tiền thân là Công Ty Khai Thác Chế Biến Và Xuất Khẩu Khoáng Sản Khánh Hòa, thành lập vào năm 1990 với mục tiêu ban đầu là khai thác xuất khẩu cát trắng silic Cam Ranh, mỏ cát rất nổi tiếng được người nước ngoài khảo sát từ năm 1939.

Mười năm đầu tiên (1990-2000), MINEXCO tập trung vào khai thác cung cấp cát trắng silic nguyên khai là chính. Mười năm tiếp theo (2001-2010), đã ứng dụng công nghệ chế biến hiện đại từ Nhật Bản, Australia cùng với Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 bởi một đội ngũ cán bộ, công nhân viên chuyên nghiệp. Nhờ đó, đã thỏa mãn một cách ổn định các yêu cầu khắt khe của các khách hàng Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc, Philippin, Thái Lan... họ là các nhà sản xuất hàng đầu khu vực về thủy tinh kính nổi, kính mặt trời, sodium silicate, cát khuôn đúc phủ nhựa RCS, vật liệu siêu nhẹ AAC... và đưa công ty trở thành nhà cung cấp cát trắng silic vào loại hàng đầu Châu Á – Thái Bình Dương.

Không chỉ có vậy, trên cơ sở tiềm năng khoáng sản được giao, hoạt động sản xuất, kinh doanh của MINEXCO đã mở rộng sang hàng loạt lĩnh vực sản phẩm mới khác như Silicon Metal, đá Granit ốp lát, gạch Terrazzo, bất động sản, du lịch, đầu tư tài chính... và đã gặt

hái nhiều thành công. Giờ đây nó đã trở thành nhóm các Công ty hoạt động độc lập và chuyên nghiệp cho từng lĩnh vực sản phẩm để thỏa mãn ngày một tốt hơn các nhu cầu của khách hàng.

Những năm tới, hoạt động của MINEXCO tiếp tục không ngừng cải tiến công nghệ sản xuất và nâng cao khả năng kiểm soát dựa trên nguyên tắc có tính chiến lược: lắng nghe, thấu hiểu và tôn trọng khách hàng. MINEXCO nhận thức rằng thành công chỉ có thể có được khi không chỉ biết nhìn vào lợi ích của mình mà còn nhìn thấy lợi ích của đối tác.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hiện nay Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 08 thông qua ngày 29/11/2005. Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành của Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động.

❖ Trụ sở chính:

- Địa chỉ: 248 Thống Nhất, Phường Phương Sơn, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại: (84-58) 3 821282 Fax: (84-58) 3 823846

❖ Các đơn vị trực thuộc: không có

❖ Công ty con:

STT	Tên công ty con
1	Công ty TNHH Một thành viên Minexco Granite Khánh Hòa
2	Công ty TNHH Một thành viên Minexco Terrazzo Nha Trang
3	Công ty TNHH Một thành viên Si-Líc Miền Trung
4	Công ty TNHH Một thành viên Khoáng sản và đầu tư Khánh Hòa tại Thừa Thiên Huế
5	Công ty CP Chế biến gỗ Việt – Đức
6	Công ty CP Dịch vụ Vận tải ô tô Cam Ranh
7	Công ty CP Nền móng và Xây dựng Minexco Hữu Lộc

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

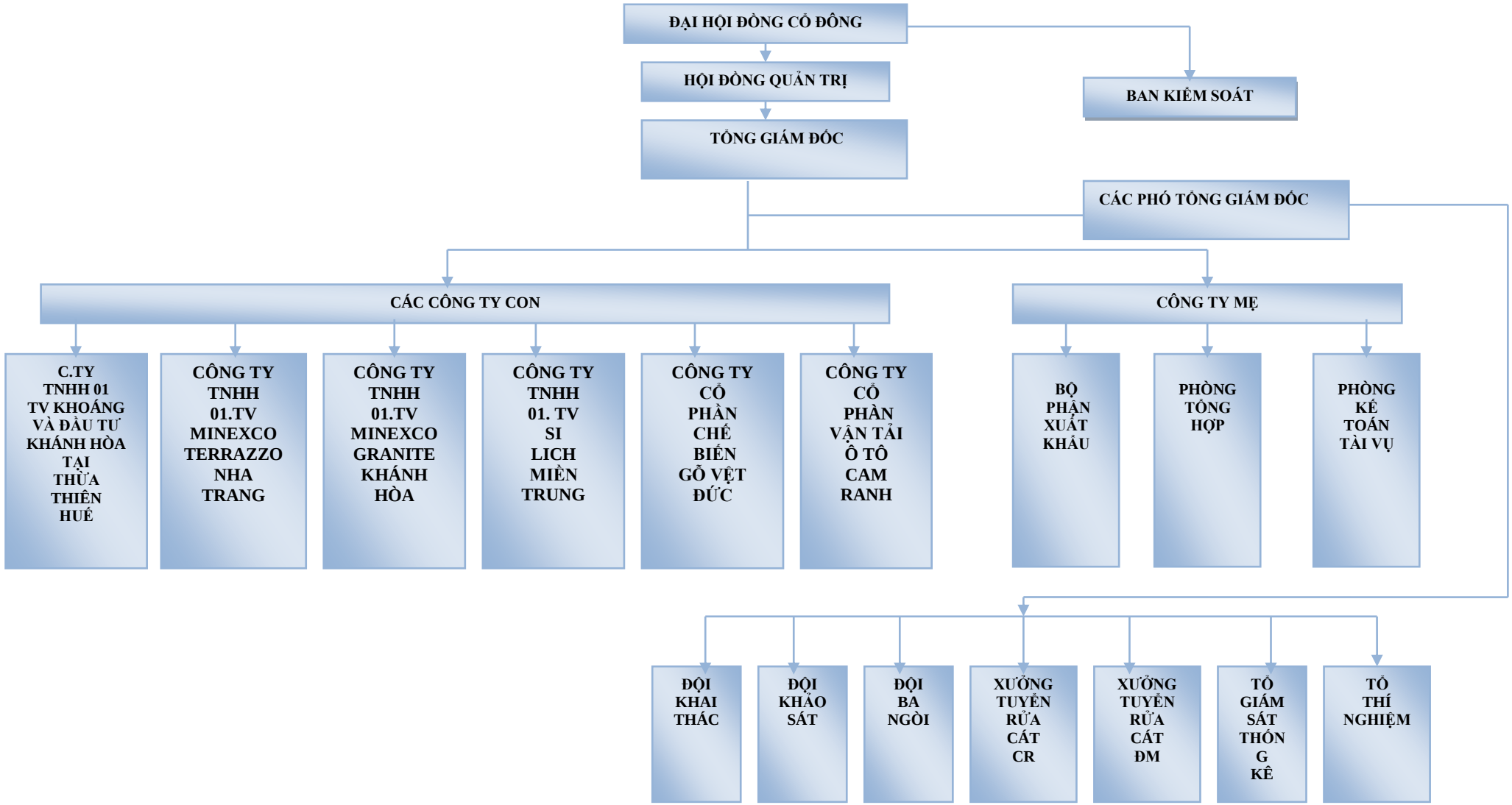
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC
BAN KIỂM SOÁT
CÁC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÁC CÔNG TY CON
CÔNG TY MẸ
C.TY TNHH 01 TV KHOÁNG VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA TẠI THỪA THIÊN HUẾ
CÔNG TY TNHH 01.TV MINEXCO TERRAZZO NHA TRANG
CÔNG TY TNHH 01.TV MINEXCO GRANITE KHÁNH HÒA
CÔNG TY TNHH 01. TV SI LICH MIỀN TRUNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ VỆT ĐỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ CAM RANH
BỘ PHẬN XUẤT KHẨU
PHÒNG TỔNG HỢP
PHÒNG KẾ TOÁN TÀI VỤ
ĐỘI KHAI THÁC
ĐỘI KHẢO SÁT
ĐỘI BA NGÒI
XƯỞNG TUYỂN RỬA CÁT CR
XƯỞNG TUYỂN RỬA CÁT ĐM
TỔ GIÁM SÁT THỐNG KÊ
TỔ THÍ NGHIỆM

➢ **Đại Hội Đồng Cổ đông**

Đại Hội Đồng Cổ đông là tổ chức quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại Hội Đồng Cổ đông có trách nhiệm đưa ra những chính sách dài hạn và ngắn hạn về việc phát triển của Công ty, bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

➢ **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi và hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

➢ **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại Hội Đồng cổ đông, do Đại Hội Đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty.

➢ **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng giám đốc :

- Là người điều hành hằng ngày và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty trước Hội đồng Quản trị theo Điều lệ công ty, Quy chế quản lý nội bộ và pháp luật hiện hành .
- Chịu trách nhiệm về công tác đối ngoại, là người phát ngôn của Công ty trước các phương tiện truyền thông đại chúng và trong trường hợp cần thiết, tùy theo tính chất, mức độ thông tin có thể ủy quyền cho các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc bộ phận Xuất khẩu hoặc Trưởng Phòng Kế hoạch Tổng hợp;
- Phê duyệt tất cả các quy chế, quy định áp dụng trong nội bộ công ty .
- Đề xuất các chiến lược kinh doanh, đầu tư cho Hội đồng quản trị
- Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong khu vực và trên thế giới
- Trực tiếp ký các hợp đồng xuất nhập khẩu, hợp đồng lao động và các hợp đồng kinh tế khác .
- Quyết định toàn bộ giá cả mua bán hàng hóa vật tư ,nguyên liệu đầu vào có liên quan đến hoạt động của công ty mẹ.
- Quyết định về tổ chức, nhân sự, tiền lương, tuyển dụng lao động , định biên lao động, định mức lao động ,định mức tiêu hao vật tư kỹ thuật, đầu tư xây dựng cơ bản,mua sắm máy móc thiết bị, khen thưởng, kỷ luật.tại công ty mẹ.

- Thông qua các chức danh quản lý tại các công ty con để quyết định hoặc tham gia quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh, ngân sách và tổ chức hoạt động các công ty con theo điều lệ tổ chức và hoạt động của các công ty đó;
- Quyết định các chi tiêu về tài chính thuộc công ty mẹ trên cơ sở phân cấp hoặc ủy quyền cho các Phó Tổng giám đốc như dưới đây.
- Giám sát toàn bộ hệ thống hoạt động của công ty, trực tiếp chỉ đạo tập trung các mảng kế hoạch sản xuất kinh doanh, tổ chức – lao động, tiền lương.
- Quyết định ứng dụng các biện pháp, giải pháp quản lý hiệu quả đối với mọi hoạt động của công ty .

Phó Tổng Giám đốc thường trực

- Là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, điều hành hoạt động công ty khi Tổng giám đốc đi vắng, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về phần việc được phân công hoặc ủy quyền.
- Tư vấn cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực liên quan thông qua chức danh Chủ tịch các Hội đồng do Tổng giám đốc thành lập như : Hội đồng an toàn bảo hộ lao động, Hội đồng Khoa học công nghệ, Hội đồng định mức vật tư kỹ thuật . . .
- Chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, giám sát công tác quản lý kỹ thuật sản xuất, chất lượng sản phẩm, sửa chữa, bảo trì máy móc thiết bị, chất lượng thi công xây dựng, an toàn,vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh cảng biển, bảo vệ môi trường, quản lý hoạt động khoáng sản, dự án đầu tư, công tác xây dựng cơ bản của Công ty mẹ và các Công ty con thông qua các chức danh quản lý.
- Phê duyệt kinh phí thực hiện các nội dung sửa chữa thiết bị, nhà xưởng, tài sản khác tùy theo cấp độ và ủy quyền của Tổng giám đốc tại Công ty mẹ .
- Phối hợp với Tổng giám đốc thực hiện các nhiệm vụ nói ở trên.

Phó Tổng giám đốc

- Là người giúp việc cho Tổng giám đốc, điều hành hoạt động của Công ty khi Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc thường trực đi vắng. Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về phần việc được phân công hoặc ủy quyền.- Chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, chỉ đạo nghiệp vụ,xây dựng và kiện toàn Hệ thống và Bộ máy Kế toán tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con thông qua các chức danh quản lý;
- Chịu trách nhiệm phân tích hoạt động tài chính toàn công ty;
- Chịu trách nhiệm xây dựng Kế hoạch phân bổ nguồn tài chính, ngân sách phục vụ hoạt động của các công ty con;
- Giám sát và chỉ đạo công tác văn thư hành chính tại công ty mẹ;

- Ký duyệt Hồ sơ ,thủ tục liên quan đến công tác xuất khẩu hàng hóa tại công ty mẹ;
- Phê duyệt kinh phí thực hiện các nội dung liên quan đến hậu cần (hành chính, tiếp khách, hội họp . . .) các kinh phí liên quan đến dịch vụ tài chính . .
- Phối hợp Tổng giám đốc thực hiện các nội dung nói ở trên.

➢ **Các phòng ban chức năng**

Các phòng chuyên môn nghiệp vụ thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh được hiệu quả.

Phòng Kế hoạch- Tổng hợp

- Tham mưu, giúp việc cho HĐQT , Chủ tịch Hội đồng quản trị , Tổng giám đốc thực hiện công tác quản lý công ty mẹ và các công ty con , bao gồm: theo dõi, tổng hợp, phân tích đánh giá, giám sát, kiểm tra các công ty con theo phân cấp; nghiên cứu, đề xuất các dự án đầu tư; trực tiếp thực hiện một số nghiệ p vụ quản lý của Công ty mẹ bao gồm các hoạt động khoáng sản , địa chất, môi trường, an toàn và bảo hộ lao động, an ninh cảng biển, lao động và tiền lương, văn thư, hành chính . v.v
- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp và phân tích công tác bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận chuyển của công ty mẹ, kể cả cung ứng vật tư có liên quan theo phân cấp; Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, sửa chữa, bảo trì, cải tiến và mua sắm mới máy móc thiết bị của công ty mẹ và các công ty con; Quản trị hệ thống mạng máy tính, trang web của công ty.

Phòng Tài chính- Kế toán

- Giúp Tổng giám đốc thực hiện đúng quy định Luật kế toán, Luật thống kê và quy định của Điều lệ Công ty về công tác kế toán tài chính .
- Kiểm tra, chỉ đạo chuyên môn nghiệp vụ về công tác kế toán tài chính đối với các đơn vị trực thuộc công ty và các công ty con của công ty .

Bộ phận xuất khẩu

- Giúp Tổng giám đốc quản lý và điều hành sản xuất và xuất khẩu cát của Công ty , bao gồm từ khâu giao dịch , lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch về số lượng , chất lượng, tiến độ giao hàng, năng suất sản xuất, tổ chức xuất khẩu hàng hóa…
- Trực tiếp theo dõi , quản lý và chỉ đạo các đơn vị : Xưởng tuyển rửa cát Cam Ranh ; Xưởng tuyển rửa cát và Cảng Đầm Môn; Đội khai thác ; Đội khảo sát mỏ ; Đội kho Ba Ngòi; Tổ giám sát & Thống kê hiện trường; Tổ thí nghiệm .
- Lập các Biểu đồ kiểm soát có liên quan.
- Nghiên cứu tổ chức xuất khẩu các sản phẩm khác của công ty khi có yêu cầu .

Đội Khảo sát

- Thăm dò, khảo sát, xác định trử lượng, chất lượng vùng nguyên liệu, vạch tuyển, khoanh lô khai thác và các dịch vụ địa chất có liên quan .
- Kiểm soát và cấp phiếu cấp phiếu chất lượng cát nguyên liệu khu vực Thủy Triều, Cam Thành, Đầm Môn phục vụ sản xuất .

Tổ giám sát và thống kê hiện trường

- Giám sát khối lượng, chất lượng sản phẩm cát trắng của vực Thủy Triều, Cam Thành và cát vàng Đầm Môn .
- Thống kê, ghi chép số liệu hiện trường về thời gian, khối lượng công việc hoạt động sản xuất và phục vụ sản xuất khu vực Thủy Triều, Cam Thành, Đầm Môn, cập nhật lưu giữ vào máy tính và chuyển về công ty để phục vụ sản xuất theo quy định .

Tổ thí nghiệm

- Thực hiện phân tích kiểm tra, đánh giá chất lượng mẩu sản phẩm cát tại Thủy Triều, Cam Thành, Đầm Môn theo quy định của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 và các sản phẩm khác khi có yêu cầu của công ty .
- Cập nhập, ghi chép số liệu lưu giữ vào máy tính, báo cáo công ty và các bộ phân chức năng theo quy định để phục vụ sản xuất kịp thời .

Xưởng tuyển rửa cát Cam Ranh

- Quản lý, vận hành hệ thống dây chuyền tuyển rửa cát, máy móc thiết bị theo kế hoạch sản xuất của công ty giao, đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 .
- Quan lý Tổ Bảo vệ, Tổ Cấp dưỡng

Xưởng tuyển rửa cát và cảng Đầm môn

- Quản lý, vận hành hệ thống dây chuyền tuyển rửa cát theo kế hoạch sản xuất của công ty giao, đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 .
- Quản lý, vận hành cảng Đầm Môn, hệ thống băng tải rót cát xuống tàu và phục vụ xuất hàng tại cảng.

Đội Kho Ba Ngòi

- Theo dõi kiểm soát công việc nhập kho, xuất kho sản phẩm cát từ khu vực Thủy Triều và Cam Thành vận chuyển về .
- Quản lý sản phẩm đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008

4. Cơ cấu vốn cổ phần Công ty đến ngày 30/09/2015

STT	Thành phần	Số lượng cổ đông (Cổ đông)	Số cổ phần sở hữu (Cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Phân theo cơ cấu trong nội bộ				
1	Nhà nước	01	12.500.000	89,29%
2	Tổ chức khác không thuộc vốn Nhà nước	0	0	0%
3	Cá nhân không thuộc vốn Nhà nước	90	1.500.000	10,71%
	Tổng	**91**	**14.000.000**	**100,00%**
Phân theo quốc tịch				
1	Cổ đông trong nước	80	13.840.000	98,86%
2	Cổ đông nước ngoài	11	160.000	1,14%
	Tổng	**91**	**14.000.000**	**100,00%**

5. Danh sách các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ của Công ty tính đến ngày 30/09/2015

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Tầng 23, Tòa nhà Charm Vit, số 117 trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	12.500.000	89,29%

6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

❖ **Danh sách những công ty mẹ của Công ty:**

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3824 0703 - Fax: (84-4) 6278 0136

Số cổ phần nắm giữ tại Minexco: 12.500.000 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ tại Minexco: 89,29%

❖ **Danh sách những công ty con của Công ty:**

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Số vốn đầu tư thực tế của Minexco tại ngày 31/12/2014 (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Một thành viên Minexco Granite Khánh Hòa (gọi tắt là GRANCO)	248 Thống Nhất, Tp.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Khai thác chế biến đá Granite	30	30.000.000.000	100%
2	Công ty TNHH Một thành viên Minexco Terrazzo Nha Trang (gọi tắt là TERTICO)	Khu công nghiệp Suối Dầu, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất kinh doanh Gạch Terrazzo dùng lát nền sân vườn vỉa hè	05	5.00.000.000	100%
3	Công ty TNHH Một thành viên Si-Líc Miền Trung (gọi tắt là SILIMECO)	42 đường Nguyễn Tư, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Sản xuất kinh doanh Silicon Metal	30	26.419.907.273	100%
4	Công ty TNHH Một thành viên Khoáng sản và đầu tư Khánh Hòa tại Thừa Thiên Huế (gọi tắt là KHAMIHUCO)	Khu công nghiệp Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh Sodium silicate	15	13.379.723.960	100%
5	Công ty CP Chế biến gỗ Việt – Đức (gọi tắt là KHAVIWOOD)	Xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất kinh doanh đồ gỗ và đá Granite	15,2	16.241.060.829	79%
6	Công ty CP Dịch vụ Vận tải ô tô Cam Ranh (gọi tắt là DIVACO)	Số 02 Đại lộ Hùng Vương, Phường Cam Lộc, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh dịch vụ vận tải	16,5	13.294.923.635	78%
7	Công ty CP Nền móng và Xây dựng Minexco Hữu Lộc (gọi tắt là MHBC)	248 Thống Nhất, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	XDCB, thi công nền móng bằng công nghệ cọc vữa	8,0	5.600.000.000	70%

❖ **Danh sách những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không có

❖ **Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:** Không có

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản phẩm/dịch vụ chủ yếu

- ***Cát silic:***

Hoạt động khai thác, chế biến và xuất khẩu cát silic là hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Doanh thu của sản phẩm này chiếm tỷ trọng bình quân hơn 90% tổng doanh thu thuần mà Công ty thu được hàng năm.

Nguồn nguyên liệu:

Từ năm 2015 trở về trước, Công ty đã được giao quản lý và khai thác tại 2 mỏ cát là: mỏ cát trắng Thủy Triều – Cam Ranh – Khánh Hòa, và mỏ cát vàng Đầm Môn – Vạn Ninh – Khánh Hòa.

Quyền khai thác của Minexco tại khu vực Mỏ cát trắng tại Thủy Triều, Cam Ranh, Khánh Hòa theo quyết định số 316/CNNg-KTM ngày 25/8/1990 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp nặng với diện tích 350ha, trữ lượng cát trắng 22,8 triệu tấn (đã được thăm dò tỷ mỉ cấp A + B + C1 + C2 và được thông qua Hội đồng trữ lượng khoáng sản Nhà nước). Là phần mỏ cát trắng duy nhất được xuất khẩu từ Cam Ranh theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở thống nhất giữa UBND tỉnh Khánh Hòa và Bộ Xây dựng (công văn số 299/CN ngày 25/01/1992 của văn phòng Chính phủ, Thông tư số 02/2006/TT-BCN ngày 14/4/2006 của Bộ Công nghiệp). Vị trí mỏ tại thôn Thủy Triều, xã Cam Hải Đông, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, cách thành phố Nha Trang 30km về phía Bắc, cách cảng Ba Ngòi 35km về phía Nam. Sản phẩm cát của Công ty chủ yếu là cát khai thác thô đã qua sàng lọc, tuyển rửa, đạt các yêu cầu về thành phần hạt, thành phần hoá, thành phần khoáng vật nặng v.v… của khách hàng. Tính đến thời điểm 31/12/2014 trữ lượng còn lại của mỏ cát là 3.670.995 tấn nằm chồng lấn trong vùng dự án khác do UBND tỉnh cấp. Hiện mỏ này đã ngừng khai thác, chế biến và xuất khẩu kể từ đầu năm 2015 theo yêu cầu của UBND Tỉnh Khánh Hoà. Ngoài khu vực được cấp phép vài km,còn rất nhiều cát trắng với trữ lượng hàng chục triệu tấn..

Đối với mỏ cát vàng Đầm Môn – Vạn Ninh, Khánh Hòa, Minexco đã có quyền khai thác theo giấy phép số 319/GP-BTNMT ngày 28/02/2011 với thời hạn khai thác là 05 năm, tính đến 31/12/2014 trữ lượng còn lại là 112.953 Tấn; trong năm 2015 dự kiến sẽ khai thác hết trữ lượng này.

Đầu năm 2015, Minexco đã đấu giá thành công quyền khai thác mỏ cát trắng tại Trầm Bàu Bàng – Phong Điền – Thừa Thiên Huế theo giấy phép số 561/GP- BTNMT ngày 17/3/2015 thời hạn 30 năm, trữ lương là 3.864.263 Tấn, hiện nay chưa khai thác, vân còn nguyên trạng.

Các sản phẩm cát silic:

Sản phẩm cát silic là rất đa dạng và được chia thành nhiều loại khác nhau, được nhận diện theo các tiêu chí kỹ thuật khác nhau:

- Chia thành phần hạt:

Tên sản phẩm	#20	#25	#30	#35	#40	#50	#70	#100	#140	#-140	AFS
M1	0.00	0.01	0.45	2.38	9.72	41.18	35.45	10.04	0.61	0.13	45.74
M2	0.01	0.03	1.43	6.66	22.87	47.31	18.26	3.13	0.19	0.02	39.63
42-46	0.09	0.37	2.24	5.86	13.02	37.63	30.77	9.41	0.53	0.12	43.91
40-46	0.07	0.29	2.33	6.46	15.84	42.43	26.18	6.02	0.34	0.07	40.00
46-52	0.00	0.01	0.32	1.64	7.76	38.35	39.88	11.32	0.64	0.08	46.86
50-55	0.00	0.01	0.21	1.20	4.87	26.52	42.37	23.14	1.28	0.40	51.70
28-33	2.40	4.20	22.44	25.30	21.93	16.46	5.72	1.40	0.12	0.03	30.33
35-39	0.70	4.26	13.82	9.69	18.48	27.25	18.44	6.29	0.70	0.37	37.40
HGI	0.00	0.01	0.23	2.60	11.93	39.54	32.69	12.17	0.70	0.12	45.97
Đầm Môn	0.00	0.00	0.01	0.04	1.28	47.38	43.34	6.98	0.78	0.19	44.58

- Chia theo thành phần hóa:

Sản phẩm	SiO_2%(min)	Fe_2O_3 %(max)	AL_2O_3 %(max)	TiO_2 %(max)	CaO %(max)	MgO %(max)	Na_2O+K2O %(max)	IgLoss %(max)
M1	99.70	0.025	0.035	0.025	0.01	0.08	0.00	0.08
M2	99.70	0.025	0.035	0.025	0.01	0.08	0.00	0.08
42-46	99.70	0.025	0.035	0.025	0.01	0.08	0.00	0.08
40-46	99.70	0.025	0.035	0.025	0.01	0.08	0.00	0.08
46-52	99.70	0.025	0.035	0.025	0.01	0.08	0.00	0.08
50-55	99.70	0.025	0.035	0.025	0.01	0.08	0.00	0.08
28-33	99.70	0.025	0.035	0.025	0.01	0.08	0.00	0.08
35-39	99.70	0.025	0.035	0.025	0.01	0.08	0.00	0.08
HGI	99.75	0.015	0.035	0.02	0.01	0.08	0.00	0.05
Đầm Môn	97.00	0.08	0.80	0.04	0.80	0.80	0.80	0.30
Special	99.80	0.01	0.035	0.015	0.005	0.05	0.00	0.05

Một số hình ảnh sản phẩm cát silic xuất khẩu của Công ty

Thị trường tiêu thụ:

Thị trường tiêu thụ chính của sản phẩm là thị trường xuất khẩu, chủ yếu là thị trường các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan, Philippin, Singapore v.v...Khách hàng của Công ty đều là những khách hàng lớn, có quan hệ lâu năm, nhu cầu ổn định, ít biến động. Các khách hàng lớn của Công ty là Hoesing International Co.,ltd (Đài Loan), Sozitz Corp (Nhật Bản), Mitsubishi Corp (Nhật Bản), Sumitomo Metal Corp (Nhật Bản), Sam Sung Corp (Hàn Quốc), DC Chemical Co.,ltd (Hàn Quốc, Sanmiguel Corp (Philippin), Rock Energy International Corp (Philippin) ...

- ***Đá Granite:***

Công ty hiện đang khai thác đá khối tại mỏ đá granit màu tím Tân Dân và Mỏ đá trắng Segai, kết hợp tận thu đá chẻ làm vật liệu xây dựng thông thường, Nhà máy chế biến đá granit Tân Dân đặt tại thôn Suối Luồng, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà chế biến đá granit ốp lát và đá granit mỹ nghệ, Chi nhánh Công ty tại Nha Trang (Vĩnh Điềm, Vĩnh Hiệp, đường 23/10, Nha Trang) kinh doanh đá ốp lát, đá mỹ nghệ , vật liệu xây dựng…

Nguồn nguyên liệu:

Công ty hiện đang khai thác đá tím tại mỏ đá Tân Dân, Xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà, theo giấy phép số 1321/GP- BTNMT ngày 27/7/2010 với thời hạn là 18 năm, với trữ lượng cấp phép khoảng 1.000.000 m^3, tính đến 31/12/2014 trữ lượng còn lại là 980.000 m^3.

Ngoài ra, Minexco còn có quyền khai thác đá trắng Segai tại mỏ đá toạ lạc tại xã Suối Tiên, huyện Diện Khánh, tỉnh Khánh Hòa, với trữ lượng khoảng 4 triệu m^3.

Phương pháp sản xuất đá khối là khoan, nổ mìn tách khối, công nghệ thủ công kết hợp với cơ giới.

Sản phẩm đá khối bao gồm:

- Đá khối loại 1: Đồng đều màu; Kích thước a 2,2m, b 1,05m, c 0,9m
- Đá khối loại 2: Không rạn nứt, gân; Kích thước a 1m, b 0,7m, c 0,5m
- Đá chẻ : Gồm 2 loại; Kích thước 20 x 20 x 20; 20 x 20 x 40
- Đá mỹ nghệ (đá tinh): kích thước theo yêu cầu của khách hàng.
- Đá Slab và đá Tile: Sẽ đưa vào sản xuất 2007. Trên cơ sở thiết lập dây chuyền cưa xẻ đá tại Tân Dân theo công nghệ sản xuất của Italia.

Một số hình ảnh sản phẩm đá Grannite của Công ty

Đá Grannite cầu thang

Đá Grannite hàng rào

Đá Grannite lát lề đường, bó vỉa

Đá Grannite cube

Đá Grannite gia công theo yêu cầu

Đá Grannite lát đường, vỉa hè

Thị trường tiêu thụ: Thị trường tiêu thụ đá Granit của Công ty là thị trường nội địa

- ***Gạch Terrazzo:***

Sản phẩm gạch là gạch lát vỉa hè Terrazzo trơn hoặc có rãnh tạo hoa văn với nhiều màu sắc và kích thước khác nhau, chống đỡ được môi trường thiên nhiên nhờ công nghệ tạo hình đặc biệt tạo độ đặc chắc cao và sử dụng vật liệu có chất lượng cao. Có trên 40 loại hoa văn khác nhau phù hợp với các yêu cầu kiến trúc có độ thẩm mỹ cao. Doanh thu gạch Terrazzo chiếm tỷ trọng khoảng 2,17% tổng doanh thu thuần của Công ty.

Một số hình ảnh sản phẩm gạch Terrazzo của Công ty

Gạch lát vỉa hè

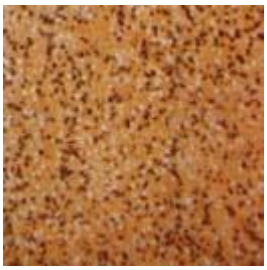
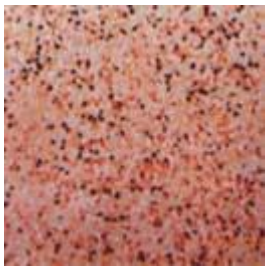

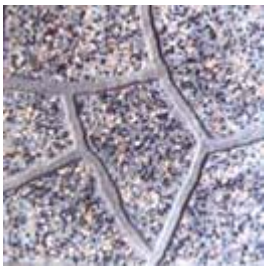

Gạch trang trí

➢ ***Các sản phẩm, dịch vụ khác:***

- Chế biến, xuất khẩu gỗ: sản phẩm chủ yếu là cửa, bàn ghế, ván sàn, cơ bida. . . cho xuất khẩu và sử dụng nội địa, đặc biệt tập trung kinh doanh bàn ghế trong nhà và ngoài trời xuất khẩu. Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp sản phẩm gỗ chế biến và sẵn sàng hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước để đầu tư vào chế biến gỗ.
- Sản xuất thủy tinh lỏng (Sodium Silicate) và các sản phẩm cao cấp khác từ cát (ví dụn như sản phẩm carbon trắng): thủy tinh lỏng là chất lỏng trong, không màu hoặc màu xanh, có độ nhớt rất lớn như keo; carbon trắng là sản phẩm được sản xuất từ Sodium silicate. Đây là các sản phẩm được sản xuất từ cát Trầm Bàu Bàng – Thừa Thiên Huế, đáp ứng yêu cầu tiêu thụ cả trong nước và xuất khẩu.

- Kinh doanh khách sạn Đầm Môn: gồm 1 khách sạn 1 sao, 12 phòng, nằm cạnh bờ vịnh Vân Phong. Nhìn chung việc điều hành và quản lý khách sạn cho đến thời điểm hiện nay là chưa hiệu quả nguyên nhân chính là do cơ sở hạ tầng còn yếu kém và Công ty chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý điều hành khách sạn.
- Ngoài ra, Minexco và các công ty con còn cung cấp các dịch vụ khác: dịch vụ vận chuyển, thi công xây dựng cơ bản nền móng, kinh doanh nhiên liệu.

7.2. Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện và ký kết

Một số hợp đồng lớn do Công ty thực hiện và ký kết bao gồm:

Bảng hợp đồng lớn đang thực hiện và đã ký kết

TT	Số hiệu HĐ	Khách hàng /Nhà cung cấp	Sản phẩm/ Dịch vụ	Giá trị HĐ (USD)	Thời gian thực hiện HĐ
1	01-SUMI.HGI/XK2013	Sumitomo Corporation	Cát trắng Cam ranh	2.400.000	02 năm kể từ ngày ký
2	01- I & W/XK 2013	I & W Corporation Co; LTD	Cát vàng Đầm Môn	1.600.000	02 năm kể từ ngày ký
3	01-NESESS/XK2013	Nesess Trading Co; LTD	Cát trắng Cam ranh	990.000	02 năm kể từ ngày ký
4	01-CHINCHING/XK2013	Chin –Ching Co; LTD	Cát trắng Cam ranh	2.200.000	02 năm kể từ ngày ký
5	01- TILANE/XK2013	Tilane Chemical Co; LTD	Cát trắng Cam ranh	800.000	02 năm kể từ ngày ký
6	01-SS/XK2013	Samsung Coporation	Cát trắng Cam ranh	200.000	02 năm kể từ ngày ký
7	01-PLD/XK2013	PLD Supply Co; LTD	Cát trắng Cam ranh	400.000	02 năm kể từ ngày ký
8	01-SUMI.HGI/XKIH2014	Sumitomo Corp.LTD – Nhật Bản	Cát Cam Ranh	980.000	
9	01-I&W PHILS/XK 2014	I & W Corp. Philippines – Nhật Bản	Cát Đầm Môn	550.000	
10	01DM.XK-ESESS/2014	Nesess Trading Co; Ltd- Hàn	Cát Đầm	1.200.000	

		Quốc	Môn		
11	01- I & W/XK2015	I & W Corp. LTD Nhật Bản	Cát Đầm Môn	925.000	
12	01DM.XK-ESESS/2015	Nesess Trading Co; Ltd- Hàn Quốc	Cát Đầm Môn	1.000.000	
13	01DM-CC/2015	New Chin- Ching Co.; LTD Đài Loan	Cát Đầm Môn	01DM-CC/2015	

(Nguồn: Minexco)

7.3. Cơ cấu doanh thu

Bảng chi tiết cơ cấu doanh thu thuần của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2012		2013		2014		9 tháng đầu năm 2015	
		Giá trị	%/Tổng DTT	Giá trị	%/Tổng DTT	Giá trị	%/Tổng DTT	Giá trị	%/Tổng DTT
1	Bán thành phẩm cát	201.493	76,73%	236.520	78,01%	214.565	96,34%	n/a	
2	Bán cát hàng hóa	59.369	22,61%	64.086	21,14%	4.890	2,19%	n/a	
3	Cung cấp dịch vụ	1.721	0,66%	2.574	0,85%	3.272	1,47%	n/a	
Tổng Doanh thu thuần		**262.584**	**100%**	**303.180**	**100%**	**222.727**	**100%**	**40.386**	**100%**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và 2014 và BCTC tổng hợp 9 tháng 2015 của Công ty mẹ)

Hoạt động khai thác cát trắng là hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ kể từ ngày thành lập cho đến nay, đồng thời doanh thu từ hoạt động này cũng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Công ty mẹ, hoạt động kinh doanh cát chiếm bình quân 98- 99% trong giai đoạn 2012-2014. Kể từ năm 2011, Công ty tiến hành mạnh mẽ công tác tổ chức và cơ cấu lại bộ máy hoạt động, mảng sản xuất và kinh doanh gạch, đá được tách ra thành các công ty con quản lý chuyên trách, Công ty mẹ chỉ kinh doanh 2 mảng chính là khai thác, chế biến và bán cát (gồm cát thành phẩm và cát hàng hóa), và cung cấp dịch vụ (chủ yếu là dịch vụ vận tải). Trong đó, doanh thu từ bán thành phẩm cát vẫn duy trì tỷ trọng lớn và có xu hướng tăng dần tỷ trọng trong tổng doanh thu thuần, 76%-96%; cùng với chủ trương phát triển ngành chế biến khoáng sản của Nhà nước là gia tăng xuất khẩu sản phẩm

khoáng sản đã qua chế biến, hạn chế xuất khẩu khoáng sản thô, nên doanh thu từ bán cát hàng hóa đóng góp ít trong cơ cấu tổng doanh thu thuần của Minexco, và đồng thời đang có xu hướng giảm tỷ trọng, giảm từ 22,61% năm 2012 xuống 2,19% năm 2014; còn mảng cung cấp dịch vụ chỉ chiếm cơ cấu nhỏ trong doanh thu và duy trì tỷ lệ ổn định ~1%.

Nhìn chung, từ trước năm 2014 tổng doanh thu thuần từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và doanh thu thuần của Công ty mẹ đều có tăng trưởng qua từng năm. Tổng doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ năm 2012 đạt 262,58 tỷ đồng, tăng 3,4% so với năm 2011, năm 2013 tổng doanh thu thuần đạt 303,18 tỷ đồng, tức tăng 15,46% so với năm 2012. Tuy nhiên bước sang năm 2014, Minexco phải đối mặt với trữ lượng khai thác tại mỏ cát Thủy Triều – Cam Ranh gần hết, để bù đắp Công ty đã phải mua ngoài cát nguyên liệu tại các mỏ cát của các đơn vị khai thác khác trong tỉnh, mặc dù đã được tìm kiếm nguồn cát bên ngoài nhưng vẫn không đáp ứng được lượng khai thác giảm đã khiến doanh thu thuần bán cát cả thành phẩm và hàng hóa đều giảm xuống còn 219,45 tỷ đồng, và tổng doanh thu thuần chỉ đạt 222,72 tỷ đồng, tức giảm 26,5% so với năm 2013.

Tiếp tục ảnh hưởng từ nguồn nguyên liệu cát sụt giảm từ năm 2014, 9 tháng đầu năm 2015 tổng doanh thu thuần của Công ty mẹ Minexco chỉ đạt 40,3 tỷ đồng, sụt giảm 75% so với cùng kỳ năm 2014 (163 tỷ đồng doanh thu thuần).

Bảng chi tiết cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất của Công ty qua các năm 2012 - 2014

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2012		2013		2014		9 tháng đầu năm 2015	
		Giá trị	%/Tổng DTT	Giá trị	%/Tổng DTT	Giá trị	%/Tổng DTT	Giá trị	%/Tổng DTT
1	Bán hàng hóa	17.668	4,78%	95.444	20,62%	32.989	8,94%	n/a	
2	Bán thành phẩm	329.651	89,27%	352.395	76,14%	315.782	85,57%	n/a	
3	Cung cấp dịch vụ	18.289	4,95%	9.889	2,14%	8.360	2,27%	n/a	
4	Bất động sản đầu tư	3.646	0,99%	3.650	0,79%	3.467	0,94%	n/a	
5	Hoạt động xây dựng	-	0,00%	1.456	0,31%	8.430	2,28%	n/a	
Tổng Doanh thu thuần		**369.254**	**100%**	**462,834**	**100%**	**369.029**	**100%**	**121.219**	**100%**

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2012, 2013 và 2014 và BCTC hợp nhất tổng hợp 9 tháng 2015 của Công ty)

Kể từ năm 2011, MINEXCO cơ cấu lại tổ chức hoạt động và mở rộng các hoạt động kinh doanh sang các lĩnh vực mới như đầu tư bất động sản, xây dựng, cung cấp vật liệu xây dựng mới, khiến cho cơ cấu doanh thu sau hợp nhất của Công ty có một số thay đổi. Tuy nhiên, hai mảng kinh doanh vẫn đóng góp tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là bán hàng hóa (cát hàng hóa, đá, gạch) và bán thành phẩm (cát thành phẩm, gạch, đá thành phẩm, gỗ nội thất), tương ứng theo thứ tự đóng góp bình quân trong giai đoạn 2012-2014 là 11,45% và 83,66%. Do mới đi vào kinh doanh, nên hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và hoạt động xây dựng chỉ đóng góp tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu doanh thu, lần lượt là 0,91% và 0,87% trong các năm 2012 - 2014. Ngoài ra, hoạt động cung cấp dịch vụ (dịch vụ du lịch, vận tải) đóng góp đều đặn 2,2% từ năm 2013 – 2014. Tính đến 30/9/2015, tổng doanh thu thuần bán hàng hợp nhất của Minexco đạt 121,2 tỷ đồng, giảm 61% so với dùng kỳ năm trước.

7.4. Cơ cấu chi phí sản xuất

Với biện pháp kiểm soát chi phí khá hiệu quả, tỷ trọng các loại chi phí chiếm trong doanh thu thuần có chiều hướng giảm qua các năm.

Bảng cơ cấu chi phí của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2012		2013		2014		9 tháng đầu năm 2015	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Doanh thu thuần		**262.584**	**100%**	**303.179**	**100%**	**222.727**	**100%**	**40.386**	**100%**
1	Giá vốn hàng bán	165.906	63,18%	202.933	66,94%	153.293	68,83%	22.843	43,44%
	- Thành phẩm cát	*131.002*	*49,89%*	*158.010*	*52,12%*	*147.533*	*66,24%*	*n/a*	
	- Hàng hóa	*33.341*	*12,70%*	*42.752*	*14,10%*	*4.218*	*1,89%*	*n/a*	
	- Cung cấp dịch vụ	*1.562*	*0,59%*	*2.170*	*0,72%*	*1.541*	*0,69%*	*n/a*	
2	Chi phí tài chính	2.125	0,81%	3.566	1,18%	8.634	3,88%	5.133	2,23%
3	Chi phí bán hàng	61.755	23,52%	67.848	22,38%	36.449	16,36%	3.359	13,59%
4	Chi phí quản lý DN	29.742	11,33%	16.829	5,55%	19.664	8,83%	5.489	25,88%
	Tổng chi phí	**257.403**	**98,03%**	**291.176**	**96,04%**	**218.040**	**97,90%**	**36.824**	**91,18%**

(Nguồn: BCTC Công ty mẹ được kiểm toán năm 2012,2013 và 2014 và BCTC công ty mẹ tổng hợp 9 tháng đầu năm 2015)

Do hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty mẹ là khai thác, chế biến và bán cát trắng silic, nên chi phí giá vốn hàng bán sẽ chiếm tỷ trọng lớn nhất so với doanh thu thuần, với tỷ lệ khoảng 63%-68%, chi phí bán hàng là chi phí lớn thứ hai, với tỷ lệ khoảng 16%-23%. Chi phí quản lý doanh nghiệp được duy trì bình quân khoảng 8,6% trong giai đoạn 2012-2014. Hoạt động kinh doanh cát hàng hóa và cát sản phẩm của Công ty mẹ chủ yếu

với các đối tác thương mại là nước ngoài (Hàn Quốc, Hồng Kong, Nhật Bản …) nên nhu cầu vay vốn tài trợ chủ yếu là tài trợ thương mại, bổ sung vốn lưu động và đầu tư nhà máy tuyển rửa, làm cảng và hệ thống rót cát theo các hợp đồng vay bằng ngoại tệ (USD) với lãi suất bình quân khoảng 3%-4%/năm và vay dài hạn của Công ty I&W Enterprise Co.LTd (Nhật Bản) không chịu lãi vay, nợ gốc được thanh toán bằng khấu trừ vào tiền bán hàng xuất khẩu, nên chi phí tài chính của Công ty mẹ duy trì tỷ trọng khá nhỏ so với doanh thu thuần, bình quân khoảng 0,8%-1,18% trong giai đoạn 2012-2013. Tuy nhiên sang năm 2014, chi phí tài chính của Công ty tăng lên chiếm 3,88% so với tổng doanh thu thuần, do công ty các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá, và phải trích lập dự phòng khoản lỗ đầu tư vào các Công ty con.

Xét về tổng thể, thì cơ cấu tổng chi phí so với doanh thu thuần qua các năm đang có sự tăng lên. Nguyên nhân chủ yếu do chi phí của các yếu tố đầu vào quá trình sản xuất kinh doanh đều có sự điều chỉnh tăng lên qua các năm, đặc biệt là chi phí điện, xăng dầu, chi phí lương nhân công lao động. Cơ cấu này tăng từ 96,08% trong năm 2013 lên 97,9% năm 2014.

Sang năm 2015, do ảnh hưởng bởi nguồn cung nguyên vật liệu cát giảm khiến doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái, chỉ đạt 40,3 tỷ đồng, tức giảm 75,3% so với 163 tỷ doanh thu 9 tháng 2014. Doanh thu thuần giảm mạnh trong khi chi phí quản lý chưa thể giảm ngay đã khiến tỷ trọng chi phí này so với doanh thu thuần 9 tháng 2015 tăng mạnh lên 25,88%. Còn các chi phí bán hàng và chi phí tài chính không có nhiều biến động so với năm 2014.

Bảng cơ cấu chi phí kinh doanh hợp nhất của Công ty các năm 2012 - 2014

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2012		2013		2014		9 tháng đầu năm 2015	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	Giá trị	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Doanh thu thuần		**366.724**	**100%**	**462.834**	**100%**	**369.029**	**100%**	**121.264**	**100%**
1	Giá vốn hàng bán	245.912	67,06%	334.716	72,32%	276.010	74,79%	91.992	75,89%
	- Bán hàng hóa	*13.648*	*3,72%*	*72.446*	*15,65%*	*27.027*	*7,32%*	*n/a*	
	- Bán thành phẩm	*203.053*	*55,37%*	*259.778*	*56,13%*	*238.099*	*64,52%*	*n/a*	
	- Cung cấp dịch vụ	*11.271*	*3,07%*	*859*	*0,19%*	*3.008*	*0,82%*	*n/a*	
	- Bất động sản đầu tư	*268*	*0,07%*	*267*	*0,06%*	*267*	*0,07%*	*n/a*	
	- Hoạt động xây dựng	*0*	*0,00%*	*2.365*	*0,51%*	*7.509*	*2,03%*	*n/a*	
2	Chi phí tài	2.125	0,58%	3.405	0,74%	3.472	0,94%	5.260	4,34%

	chính								
3	Chi phí bán hàng	70.736	19,29%	76.135	16,45%	43.527	11,79%	6.351	5,24%
4	Chi phí quản lý DN	38.161	10,41%	27.045	5,84%	29.994	8,13%	12.188	10,05%
	Tổng chi phí	**356.935**	**97,33%**	**441.301**	**95,35%**	**353.003**	**95,66%**	**107.436**	**88,63%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2012,2013 và 2014 và BCTC hợp nhất tổng hợp 9 tháng đầu năm 2015)

Chi phí giá vốn hàng bán cũng chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu thuần của Công ty sau hợp nhất, duy trì tỷ lệ bình quân 67%-74% trong 3 năm 2012-2014, và có xu hướng tăng dần qua từng năm, đặc biệt tăng lên hơn 72% trong năm 2013 và lên gần 75% trong năm 2014. Chiếm tỷ trọng thứ 2 so với doanh thu thuần là chi phí bán hàng, với tỷ lệ bình quân 15,84% so với doanh thu thuần trong giai đoạn 2012 - 2014, và có xu hướng giảm gần, giảm từ 19,29% năm 2012 xuống 11,79% năm 2014. Tỷ lệ chi phí quản lý so với doanh thu thuần có xu hướng giảm từ năm 2012 tới 2014, từ mức 10,41% về 8,13%, tuy nhiên có sự đột biến giảm về 5,84% trong năm 2013 do doanh thu thuần năm này tăng đột biến lên 462 tỷ đồng – tức tăng 26% so với kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ thu được năm 2014. Chi phí tài chính chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, xấp xỉ quanh mức 1% doanh thu thuần.

Bảng chi tiết cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm 2012 - 2014

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2012		2013		2014		9 tháng đầu năm 2015	
		Giá trị	%/Tổng LNG	Giá trị	%/Tổng LNG	Giá trị	%/Tổng LNG	Giá trị	%/Tổng LNG
1	Bán thành phẩm cát	70.491	72,9%	78.510	78,3%	67.032	96,5%	n/a	
2	Bán hàng hóa	26.028	26,9%	21.334	21,3%	672	1,0%	n/a	
3	Cung cấp dịch vụ	159	0,2%	404	0,4%	1.731	2,5%	n/a	
Tổng lợi nhuận gộp		**96.678**	**100%**	**100.248**	**100%**	**69.435**	**100%**	**17.543**	**100%**

(Nguồn: Số liệu được tính toán từ BCTC Công ty mẹ được kiểm toán năm 2012,2013 và 2014 và BCTC công ty mẹ tổng hợp 9 tháng đầu năm 2015)

Bảng chi tiết cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty qua các năm 2012 - 2014

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2012		2013		2014		9 tháng đầu năm 2015	
		Giá trị	%/Tổng LNG	Giá trị	%/Tổng LNG	Giá trị	%/Tổng LNG	Giá trị	%/Tổng LNG
1	Bán hàng hóa	4.020	2,9%	22.998	18,1%	5.962	6,4%	n/a	
2	Bán thành phẩm	126.598	89,8%	92.617	72,9%	77.683	83,4%	n/a	
3	Cung cấp dịch vụ	7.018	5,0%	9.030	7,1%	5.352	5,7%	n/a	
4	Bất động sản đầu tư	3.378	2,4%	3.383	2,7%	3.200	3,4%	n/a	
5	Hoạt động xây dựng	0	0,0%	-909	-0,7%	921	1,0%	n/a	
Tổng lợi nhuận gộp		**141.015**	**100,0%**	**127.119**	**100,0%**	**93.118**	**100,0%**	**29.227**	**100%**

(Nguồn: Số liệu được tính toán từ BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2012,2013 và 2014 và BCTC hợp nhất tổng hợp 9 tháng đầu năm 2015)

7.5. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế

Logo Công ty:

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm

Hơn ba năm qua cùng với sự phát triển thăng trầm của ngành khai thác khoáng sản và cung cấp vật liệu xây dựng, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng ghi nhận những kết quả kinh doanh tăng và giảm cùng chiều với xu hướng phát triển ngành. Trước những khó khăn chung của nền kinh tế và nhu cầu vốn lớn cho việc đầu tư các dự án của Công ty, MINEXCO vẫn luôn nỗ lực duy trì trở thành một trong những đơn vị tích cực trong công tác đổi mới công nghệ, đạt hiệu suất khai thác cao, đảm bảo an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, hoàn thành kế hoạch hàng tháng, quý.

Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ (2012-2015)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		9 tháng đầu năm 2015
		Giá trị	Tăng trưởng	Giá trị	Tăng trưởng	Giá trị	Tăng trưởng	
1	Tổng giá trị tài sản	332.533	-0,14%	306.588	-7,80%	263.317	-14,11%	231.037
2	Vốn chủ sở hữu	172.874	-7,44%	172.702	-0,09%	168.434	-2.47%	164.054
3	Doanh thu thuần	262.584	3,99%	303.180	15,46%	222.727	-26,54%	40.386
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	19.541	-59,67%	25.157	28,74%	15.246	-39,39%	10.451
5	Lợi nhuận trước thuế	20.820	-58,48%	24.621	18,26%	14.117	-42,66%	7.413
6	Lợi nhuận sau thuế	16.796	-55,74%	19.048	13,41%	11.132	-41,56%	7.413

(Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012, 2013 và 2014 và BCTC tổng hợp của công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2015)

Một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty giai đoạn 2012 – 2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		9 tháng đầu năm 2015
		Giá trị	Tăng trưởng	Giá trị	Tăng trưởng	Giá trị	Tăng trưởng	
1	Tổng giá trị tài sản	364.289	0,59%	344.069	-5,55%	296.414	-13,85%	279.719
2	Vốn chủ sở hữu	177.151	-8,05%	175.471	-0,95%	175.337	-0,08%	180.186
3	Doanh thu thuần	366.724	-0,69%	462.834	26,21%	369.029	-20,27%	121.219
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	22.728	-60,08%	30.028	32,12%	23.688	-21,12%	12.574
5	Lợi nhuận trước thuế	23.851	-58,54%	28.500	19,49%	22.434	-21,28%	9.583
6	Lợi nhuận sau thuế	17.344	-59,85%	19.001	9,55%	17.441	-8,21%	8.942
7	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	16.159	-61,35%	18.206	12,67%	16.194	-11,05%	n/a
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.154	-61,35%	1.300	12,67%	1.157	-11,05%	n/a

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2012, 213, 2014 của Công ty, và BCTC tổng hợp của hợp nhất 9 tháng đầu năm 2015)

- **Tài sản:** Quy mô tổng tài sản đã hợp nhất của Công ty đang có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2012 - 2014, giảm từ 364 tỷ năm 2012 xuống còn 296 tỷ năm 2014. Trái ngược với sự giảm dần của tổng tài sản, các khoản tiền, tương đương tiền, và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng so với tổng tài sản lại có xu hướng gia tăng lớn, tăng từ 30,1% năm 2012 lên 36,8% năm 2014, cho thấy khả năng tài chính rất an toàn. Do hoạt động chính của MINEXCO là khai thác, chế biến và kinh doanh các cát trắng silic, gạch, đá, gỗ nội thất, nên tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, khoảng 61,6%. Trong đó, tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (là tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng), các khoản phải thu ngắn hạn là 2 khoản mục chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn.
- **Nguồn vốn chủ sở hữu:** Nguồn vốn chủ sở hữu không có sự thay đổi lớn trong những năm gần đây, chủ yếu tạo nên bởi vốn đầu tư ban đầu của chủ sở hữu 140 tỷ đồng và nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dồn tích của các năm.
- **Doanh thu, lợi nhuận:** Hoạt động khai thác, chế biến cát trắng silic là hoạt động đem lại nguồn thu lớn cho Công ty kể từ ngày thành lập cho tới hiện nay. Từ năm 2011, để mở rộng hoạt động kinh doanh, và đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động, MINEXCO triển khai thêm các mặt hàng sản xuất kinh doanh khác như gạch Terrazzo, đá Grannite phục vụ cho các hoạt động xây dựng, trang trí nội ngoại thất công trình và đồ gỗ nội thất, và đang tiến hành các hoạt động đầu tư vào các dự án nhà máy sản xuất các mặt hàng mới như Silicon, thủy tinh lỏng, gạch bê tông khí chưng áp, kinh doanh bất động sản (cho thuê mặt bằng bán lẻ - siêu thị) và hoạt động thi công xây dựng và thành lập các công ty con chuyên trách quản lý và tiến hành các hoạt động kinh doanh này. Xét kết quả kinh doanh sau hợp nhất, ngoại trừ hoạt động đầu tư vào các dự án nhà máy sản xuất các mặt hàng mới, thì các lĩnh vực kinh doanh còn lại hiện cũng đã đem lại cho Công ty những nguồn doanh thu khả thi, doanh thu thuần năm 2012 đạt 366,7 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,69% so với năm 2011 do trong năm 2012 diễn biến của lĩnh vực kinh doanh bất động sản và xây dựng trầm lắng, nên hoạt động kinh doanh của công ty cũng chịu ảnh hưởng. Sang năm 2013, tốc độ tăng trưởng doanh thu đã hồi phục, đạt mức 462,8 tỷ doanh thu thuần, tương đương mức tăng 26,21% so với năm 2012. Sang năm 2014, mỏ cát Cam Ranh của Công ty gần hết trữ lượng khai thác nên doanh thu từ bán cát xuất khẩu giảm mạnh, đã khiến tổng doanh thu thuần trong năm chỉ đạt 369 tỷ đồng, tức đã giảm 20,27% so với năm 2013.

  Do ảnh hưởng từ việc doanh thu giảm, đã khiến lợi nhuận kinh doanh của MINEXCO giảm theo qua các năm. Trong năm 2012, do công ty phát sinh khoản phân bổ một lần giá trị lợi thế kinh doanh trong 6 năm kể từ khi CTCP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa được chuyển đổi từ Công ty Nhà nước là 30,3 tỷ đồng đã khiến cho lợi nhuận trước thuế giảm mạnh xuống còn 23,8 tỷ đồng, tức giảm 58,54% so với năm 2011 (lợi nhuận trước thuế chưa phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh là 53,03 tỷ đồng), ngoài ra lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 17,3 tỷ đồng, giảm 59,85% so với năm 2011. Tuy nhiên, cùng với sự phục hồi của

doanh thu, lợi nhuận trước thuế và sau thuế hợp nhất của Công ty trong năm 2013 đã tăng lần lượt 19,49% và 9,55% lên mức 28,5 tỷ đồng và 19 tỷ đồng. Năm 2014, với sự sụt giảm từ doanh thu kinh doanh cát đã khiến lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 22,4 tỷ đồng và 17,4 tỷ đồng, tức giảm 21,28% và 8,21% so với năm trước. Tiếp tục ảnh hưởng bởi sự sụt giảm nguồn nguyên liệu cát từ năm 2014, 9 tháng đầu năm 2015 doanh thu thuần đạt 121,2 tỷ đồng, tức giảm 61% so với cùng kỳ năm ngoái, lợi nhuận sau thuế đạt 8,942 tỷ đồng.

8.2. Phân tích SWOT

❖ Điểm mạnh

- Trong những năm vừa qua, Minexco đã tích lũy nhiều kinh nghiệm sản xuất, không ngừng mở rộng sản xuất, nâng cấp thiết bị, đổi mới công nghệ, do vậy sản phẩm của công ty luôn đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của khách hàng. Minexco là một trong những doanh nghiệp xuất khẩu cát trắng silic lớn nhất khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Khách hàng của Công ty đều là những khách hàng lớn, có quan hệ lâu năm, nhu cầu ổn định, ít biến động.
- Minexco đang đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm vào lĩnh vực hoạt động kinh doanh qua đó khai thác có hiệu quả thế mạnh của doanh nghiệp như: sản xuất gạch ốp lát cao cấp Terrazzo, khai thác và sản xuất đá Grannite, đồ gỗ nội thất, phát triển dịch vụ du lịch tại khu du lịch Bãi Nhàu, Bãi Nhài tại vịnh Vân Phong, dịch vụ vận tải, tham gia đầu tư vào lĩnh vực xây dựng, bất động sản..

❖ Điểm yếu

- Trong những năm gần đây, Công ty đã mở rộng hoạt động kinh doanh sang các lĩnh vực sản xuất và cung cấp vật liệu xây dựng (gạch, đá ốp lát, đồ gỗ nội thất). Tuy nhiên, ảnh hưởng của suy thoái kinh tế nói chung, lĩnh vực bất động sản và xây dựng nói riêng, hiệu quả hoạt động kinh doanh của lĩnh vực này thấp. Doanh thu từ hoạt động khai thác và xuất khẩu cát silic vẫn chiếm tỷ trọng lớn (73%) trong doanh thu hợp nhất toàn Công ty.
- Việc khai thác và chế biến cát đang ngày càng được Nhà nước kiểm soát chặt từ khâu cấp phép, đến kiểm tra chất lượng bảo vệ môi trường, cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác, ..., đồng thời tài nguyên cát đang thu hẹp dần, sẽ có tác động tới kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm tới khi Công ty chưa triển khai được các dự án đầu tư để chuyển đổi mô hình kinh doanh như dự án Silicon Metal, Sodium silicate, Cacbon trắng từ Sodium silicate.

❖ Cơ hội

- ***Chính sách của Nhà nước:*** Khoáng sản và xây dựng là những ngành được Nhà nước dành cho những chính sách ưu đãi về hoạt động khai thác ở những vùng có cơ sở hạ

tầng kém phát triển, những doanh nghiệp có kỹ thuật, công nghệ chế biến tiên tiến, khai thác và sử dụng tài nguyên hiệu quả mang lại giá trị và hiệu quả kinh tế cao.

- ***Nguồn lực sản xuất:*** Hiện tại, nguồn lực sản xuất của Công ty vẫn đang rất dồi dào, với các mỏ khai thác có trữ lượng lớn. Việc cần làm hiện nay của Công ty là mở rộng sản xuất về quy mô, công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất để có thể khai thác được tối đa nguồn tài nguyên đã được cấp phép.
- ***Nguồn lực con người:*** Với đội ngũ CBCNV tận tâm, tay nghề cao, được điều hành bởi những cán bộ, lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao, Công ty có đủ nội lực để phát triển một cách mạnh mẽ và bền vững trong những năm tới. Lực lượng cán bộ của Công ty không ngừng được trẻ hóa, có năng lực và nghiệp vụ quản lý, phát huy tốt nghiệp vụ quản lý trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời, Tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên của Công ty luôn đoàn kết, gắn bó lâu dài với Công ty cũng như luôn chung sức, chung lòng, kiên trì thực hiện các mục tiêu Công ty đã đề ra.
- ***Thị trường tiêu thụ sản phẩm:*** Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm của Công ty đều đang tăng cao. Ngoài sản phẩm cát trắng rất được ưa chuộng tại các thị trưởng sản xuất linh kiện điện tử lớn trong khu vực như Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Philippin, Malaysia, Thailand.., các sản phẩm khác của Công ty như đá Granite, gạch Terrazzo, đồ gỗ nội thất cũng được đón nhận rất nhiều từ nhu cầu thị trường trong nước, đặc biệt tại các địa phương và tỉnh lị lân cận Khánh Hòa.
- ***Dự án Khách sạn – Nhà hàng Minexco:*** Minexco đã xin chuyển đổi thành công mục đích sử dụng đất tại Kho K1 trước đây từ đất xây dựng kho phục vụ sản xuất cát sang đất xây dựng nhà hàng – khách sạn, đồng thời đã xin được chứng nhận đầu tư của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc xây dựng dự án Nhà hàng - Khách sạn Minexco tại khu đất nêu trên.

❖ **Thách thức**

- ***Tình hình kinh tế trong và ngoài nước:*** Kinh tế thế giới và Việt Nam vừa trải qua một giai đoạn hết sức khó khăn và mới chỉ bắt đầu phục hồi nên vẫn còn rất nhiều những thử thách trong thời gian tới. Các ngành công nghiệp dùng nguyên liệu quặng làm nguyên liệu đầu vào nhìn chung đều giảm công suất sản xuất, kéo theo đầu ra cho sản phẩm quặng cũng bị thu hẹp lại trong thời gian qua. Giá vật liệu đầu vào từ đầu năm 2009 đã tăng khá mạnh cũng gây ra những khó khăn nhất định trong vấn đề quản lý, hoạch định chi phí sản xuất của Công ty.
- ***Công tác quản lý các mỏ thuộc chủ quyền của Công ty:*** Mặc dù có trữ lượng mỏ được cấp phép là hết sức dồi dào, nhưng vấn đề quản lý, khai thác một cách hiệu quả nhất những lợi thế đang có cũng là một thách thức không nhỏ đối với Công ty khi tình trạng khai thác tự do, khai thác lậu diễn ra hết sức phức tạp trên địa bàn.

- Ngành công nghiệp khai thác khoáng sản còn phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về môi trường như sức ép bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với Công ty.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Triển vọng phát triển của ngành

Thực tế, ngành khai thác và chế biến khoáng sản kim loại nước ta hiện vẫn còn thô sơ, lạc hậu, phát triển còn manh mún chưa phát triển đúng với tiềm năng, vị trí và vai trò trong quá trình phát triển Kinh tế - Xã hội của đất nước. Để phát triển ngành khai khoáng xứng với tiềm năng vốn cón, Chính phủ đã đề ra chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, theo đó: "Khai thác khoáng sản phải gắn với chế biến, tạo sản phẩm có giá trị kinh tế cao; đến năm 2020 chấm dứt các cơ sở chế biến khoáng sản manh mún, công nghệ lạc hậu, hiệu quả kinh tế thấp, gây ô nhiễm môi trường; hình thành các khu công nghiệp chế biến khoáng sản tập trung với công nghệ tiên tiến, có quy mô tương xứng với tiềm năng của từng loại khoáng sản". Đây là cơ hội cho những doanh nghiệp có công nghệ khai thác chế biến hiện đại, có tiềm lực tài chính tham gia phát triển.

9.2. Triển vọng phát triển của Công ty

Với tiềm năng khoáng sản sẵn có của địa phương, Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã có chính sách khuyến khích thu hút các nhà đầu tư đến khai thác và chế biến khoáng sản. Đặc biệt ưu tiên khuyến khích doanh nghiệp trong tỉnh đầu tư phát triển sản xuất, hiện nay trên địa bàn có nhiều vùng, điểm mỏ có triển vọng lớn. CTCP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa là một trong những doanh nghiệp hoạt động rất có hiệu quả trong lĩnh vực khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản. Trong những năm vừa qua, Minexco đã tích lũy nhiều kinh nghiệm sản xuất, không ngừng mở rộng sản xuất, nâng cấp thiết bị, đổi mới công nghệ, do vậy sản phẩm của công ty luôn đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của khách hàng. Minexco là một trong những doanh nghiệp xuất khẩu cát lớn nhất khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Khách hàng của Công ty đều là những khách hàng lớn, có quan hệ lâu năm, nhu cầu ổn định, ít biến động.

Từ năm 2010, sau khi tiến hành thành công việc cổ phần hóa doanh nghiệp, bên cạnh sản phẩm truyền thống, hiện nay Minexco đang đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm vào lĩnh vực hoạt động kinh doanh qua đó khai thác có hiệu quả thế mạnh của doanh nghiệp như: sản xuất gạch ốp lát cao cấp Terrazzo, khai thác và sản xuất đá Grannite, đồ gỗ nội thất, phát triển dịch vụ du lịch tại khu du lịch Bãi Nhàu, Bãi Nhài tại vịnh Vân Phong, dịch vụ vận tải, tham gia đầu tư vào lĩnh vực xây dựng, bất động sản.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Cơ cấu lao động Công ty tại 30/09/2015

Tính đến 30/09/2015, tổng số nhân viên tại Công ty Minexco và các công ty con do Minexco sở hữu 100% vốn điều lệ là 195 với mức lương bình quân năm 2015 là 5 triệu đồng/người/tháng.

Cơ cấu lao động chi tiết như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)
I	**Phân chia theo trình độ lao động**	**195**
1	Đại học và trên đại học	41
2	Cao đẳng	05
3	Trung cấp	13
4	Công nhân kỹ thuật có chứng chỉ nghề	09
5	Lao động phổ thông	127
II	**Phân chia theo giới tính**	**195**
1	Nam	173
2	Nữ	22
III	**Phân chia theo hình thức hợp đồng lao động**	**195**
1	HĐLĐ không xác định thời hạn	94
2	HĐLĐ có thời hạn từ 12 – 36 tháng	73
3	HĐLĐ có thời hạn dưới 12 tháng	10
4	HĐLĐ khoán gọn	18
IV	**Phân chia theo đơn vị công tác**	**195**
1	Lao động làm việc tại Công ty mẹ Minexco	45
2	Lao động làm việc tại các công ty con mà Minexco sở hữu 100% vốn điều lệ	150

(Nguồn: Minexco)

10.2. Chính sách đối với người lao động

- Tổng giám đốc Công ty lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động theo các chuẩn mực, thông lệ, chính sách quản lý tốt nhất quy định tại Điều lệ, các quy chế của Công ty và quy định của pháp luật;
- Công ty thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật lao động về chế độ làm việc, lương, thưởng, chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động;
- Thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động như: đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ trợ cấp, ốm đau thai sản, ... đảm bảo tuân thủ các chế độ chính sách đối với người lao động trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể. Khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, hiểu biết về xã hội, tạo điều kiện cho người lao động tham gia hoạt động thể thao, văn hóa văn nghệ….;
- Thăm hỏi động viên kịp thời cán bộ công nhân viên khi có việc hiếu hỷ, ốm đau, tổ chức quyên góp giúp đỡ cán bộ công nhân viên khi gặp hoàn cảnh khó khăn;
- Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và trang bị bảo hộ lao động được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc.
- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực: Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho công ty, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng người tài nhằm chọn được những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh. Khuyến khích việc tham gia học tập các lớp học, khóa học do các trường đào tạo;
- Tuyển dụng: Với hệ thống quy chế tuyển dụng được ban hành đã tạo ra khung cơ bản nhằm góp phần tuyển chon những người thực sự có tài góp sức xây dựng doanh nghiệp;
- Chính sách đào tạo: Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên học tập nâng cao tay nghề;

11. Chính sách cổ tức

Năm	Tỉ lệ cổ tức (theo mệnh giá)	Tình hình chi trả cổ tức
2011	13,30%	Đã thực hiện chi trả
2012	18,03%	Đã thực hiện chi trả
2013	11%	Đã thực hiện chi trả
2014	7,5%	Đã thực hiện chi trả
2015	6%	Chưa thực hiện chi trả

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2012, 2013, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015)

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 họp ngày 25/4/2015, ngày 04/05/2015 Công ty đã ra Thông báo về việc Chi trả cổ tức năm 2014, theo đó:

- Tỷ lệ cổ tức năm 2014: 7,5%/vốn điều lệ, tức 750 đồng/01 cổ phần
- Hình thức chi trả: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Đối tượng được hưởng: các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông công ty chốt đến ngày 05/05/2015
- Thời hạn chi trả: từ ngày 06/05/2015

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

❖ **Lợi thế kinh doanh**

Công ty hiện có khoản lợi thế kinh doanh được hạch toán trong khoản mục Chi phí trả trước dài hạn. Do lợi thế kinh doanh này được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2007 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác – Chế biến – Xuất khẩu Khoáng sản Khánh Hòa. Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định bằng giá trị lợi thế vị trí địa lý được xác định dựa trên cơ sở chệnh lệch giữa giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên thị trường cho loại đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp thời hạn cho thuê đất 70 năm với giá đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa với số tiền là 59.617.532.000 đồng. Căn cứ vào các nội dung nêu trên, Công ty TNHH Một thành viên Khai thác – Chế biến – Xuất khẩu Khoáng sản Khánh Hòa đã ghi nhận giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí trả trước dài hạn và đã phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh với số tiền là 461.326.140 đồng tương ứng với thời gian phân bổ là 70 năm. Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa đã nhận bàn giao giá trị lợi thế kinh doanh còn lại là 59.156.205.860 đồng và thực hiện phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm tùy theo tình hình kết quả kinh doanh trong năm mà Hội đồng quản trị quyết định trị giá phân bổ lợi thế kinh doanh.

Năm 2011, Công ty đã phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí sản xuất kinh doanh là 2,6 tỷ đồng.

Năm 2012, Công ty đã phân bổ lợi thế kinh doanh vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm với số tiền là 30,3 tỷ đồng, tương ứng đã phân bổ 3,5 năm, thời gian còn lại phân bổ là 2,5 năm với giá trị còn phân bổ cuối năm là 23,84 tỷ đồng.

Năm 2013, Công ty có sự thay đổi ước tính kế toán về việc phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp là 59,6 tỷ đồng với thời gian phân bổ 10 năm (tương ứng 6 tỷ đồng) thay vì năm trước phân bổ chi phí năm 2012 và bổ sung các năm trước với thời gian 3,5 năm (tương ứng 30,3 tỷ đồng). Việc thay đổi cách phân bổ này làm cho chi phí phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh năm nay giảm khoảng 17,84 tỷ đồng so với số phân bổ như năm trước.

Năm 2014, Công ty đã phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí sản xuất kinh doanh là 500 triệu đồng. Số dư lợi thế kinh doanh tại ngày 31/12/2014 của Công ty còn lại là 17.340.638.33 đồng

Bảng phân bổ lợi thế kinh doanh các năm 2011-2014

Đơn vị: đồng

Năm	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
2011	56.765.852.968	-	(2.609.647.108)	54.156.205.860
2012	54.156.205.860	-	(30.315.567.527)	23.840.638.333
2013	23.840.638.333	-	(6.000.000.000)	17.840.638.333
2014	17.840.638.333	-	(500.000.000)	17.340.638.333

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2011-2014

❖ **Trích khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

STT	Loại tài sản cố định	Số năm
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
2	Máy móc và thiết bị	04 – 12
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 10
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
5	Tài sản cố định khác	07 – 20

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được Công ty thực hiện đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ. Tính đến 31/12/2014, Công ty không có các khoản nợ quá hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Bảng Thuế và Các khoản nộp Nhà nước của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
1	Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	-	-	-
2	Thuế xuất nhập khẩu	5.946	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.017)	(1.119)	(1.170)
4	Thuế thu nhập cá nhân	286	180	(140)
5	Thuế tài nguyên	675	834	(32)
6	Tiền thuê đất	(116)	-	-
7	Các loại thuế khác	-	-	-
8	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	288	264	(129)
Tổng cộng		**3.064**	**159**	**(1.471)**

(Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014)

Bảng Thuế và Các khoản nộp Nhà nước của Công ty Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
1	Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	949	2.154	563
2	Thuế xuất nhập khẩu	5.946	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.666)	1.082	(963)
4	Thuế thu nhập cá nhân	345	140	(235)
5	Thuế tài nguyên	999	1.537	113

6	Tiền thuê đất	(141)	-	-
7	Các loại thuế khác	-	-	-
8	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	459	671	144
Tổng cộng		**5.892**	**5.585**	**(378)**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2012,2013, 2014)

Công ty thực hiện việc nộp thuế hàng năm theo đúng quy định của Nhà nước. Tuy nhiên đối với khoản thuế tài nguyên đối với cát silic của Công ty đang khai thác, hiện có những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Tháng 4/2012, Kiểm toán Nhà nước khu vực VIII đã thực hiện kiểm toán tại Công ty và lập Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán ngày 27/4/2012, trong đó Kiểm toán Nhà nước đã xác định lại giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm cát xuất khẩu của Công ty là giá xuất khẩu (FOB) thay cho giá do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định.

Sau đó, Công ty đã gửi công văn số 115/2012/CV-CTKSĐT đến Bộ Tài chính và Vụ chính sách Thuế để xin hướng dẫn về cách tính thuế tài nguyên đối với cát silic của Công ty khai thác. Ngày 2/8/2012, Bộ Tài chính trả lời tại công văn số 10345/BTC-CST, trong đó có đoạn: "trường hợp cát khai thác của Công ty xác định được sản lượng ở khâu khai thác nhưng do mô hình tổ chức, khai thác, sàng tuyển, tiêu thụ qua nhiều khâu độc lập nên không có đủ căn cứ để xác định giá bán tài nguyên khai thác hoặc cát khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác thì áp dụng giá bán đơn vị tài nguyên do UBND cấp tỉnh tại địa phương có khai thác tài nguyên quy định cho từng thời kỳ để tính thuế tài nguyên".

Ngày 4/8/2012, Công ty đã gửi công văn số 166/2012/CTKSĐT đến UBND tỉnh Khánh Hòa, Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa, và Kiểm toán Nhà nước khu vực VIII về việc Công ty ***không đồng ý*** *với giá tính thuế tài nguyên do Tổ Kiểm toán đã đưa ra tại Bien bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán ngày 27/4/2012 (như nêu ở trên).*

Ngày 29/11/2012, UBND tỉnh Khánh Hòa đã gửi công văn số 6696/UBND-KT đến Sở Công Thương chủ trì và phối hợp Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan nghiên cứu hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư 18/2009/TT-BXD ngày 30/6/2009 để kiểm tra thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để tham mưu UBND tỉnh có kiến nghị chính thức bằng văn bản với Tổng Kiểm toán Nhà nước và cơ quan có thẩm quyền xem xét kiến nghị của CTCP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa, đồng thời chỉ đạo Cục thuế tỉnh Khánh Hòa và CTCP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa thực hiện theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước Khu vực VIII.

Ngày 12/12/2012, Sở Công thương gửi công văn số 879/SCT-QLCN đến UBND tỉnh Khánh Hòa về việc cát tài nguyên xuất khẩu của Công ty đã qua chế biến và kính đề nghị

UBND tỉnh Khánh Hòa có văn bản kiến nghị với Tổng kiểm toán Nhà nước xem xét kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực VIII trong việc áp dụng để xác định giá đơn vị tính thuế tài nguyên cho phù hợp (cụ thể là giá đơn vị tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh tại địa phương có khai thác tài nguyên quy định cho từng thời kỳ) đối với CTCP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa.

Ngày 12/12/2012, Viện vật liệu xây dựng cũng đã có công văn số 672/VLXD-XMBT về việc xác nhận cát xuất khẩu của Công ty là cát đã qua chế biến.

Ngày 12/12/2012, Cục thuế tỉnh Khánh Hòa đã ban hành quyết định số 1784/QĐ-CT về việc truy thu thuế tài nguyên năm 2010 và 2011 là 17.400.269.974 và phạt vi phạm hành chính 10% là 1.740.026.997 VND, phạm chậm nộp là 3.126.779.716 VND.

Ngày 30/01/2013, UBND tỉnh Khánh Hòa đã có công văn số 591/UBND-KT gửi Tổng Kiểm toán Nhà nước xem xét kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực VIII trong việc xác định giá đơn vị tính thuế tài nguyên đối với CTCP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là giá đơn vị tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh địa phương có khai thác tài nguyên quy định cho từng thời kỳ.

Ngày 17/10/2013, Công ty đã ký phụ lục biên bản số 01/BB-VPHC-KTr3 với Cục Thuế Khánh Hòa về việc xác định lại số thuế tài nguyên Công ty phải nộp qua kiểm tra các năm 2010, 2011là 6.719.991.494 VNĐ thay vì phải nộp thêm 17.400.269.974 VNĐ theo Biên bản vi phạm pháp luật thuế số 03/BB-VPHC-KTr3 ngày 5/12/2012.

Ngày 29/10/2013, Cục thuế tỉnh Khánh Hòa ban hành quyết định số 1582/QĐ-CT về việc hoàn lại tiền thuế đã truy thu thừa (bao gồm cả tiền phạt và chậm nộp) là 14.031.727.112 VNĐ và Công ty đã nhận được tiền hoàn thuế trong năm. Số tiền thuế truy thu còn lại tạm nộp 8.235.349.575 VNĐ Công ty vẫn ghi nhận là khoản phải thu khác trên Báo cáo tài chính mà chưa ghi nhận chi phí kinh doanh. Theo giải thích của Công ty, khoản tiền thuế truy thu đã tạm nộp còn lại sẽ được tiếp tục kiến nghị với tổng Kiểm toán Nhà nước hoàn lại tiền thuế nêu trên.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Tỷ lệ trích lập tùy theo kết quả kinh doanh trong năm và mục tiêu phát triển của Công ty đồng thời phù hợp với điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật.

Số dư các quỹ tại ngày 31/12 các năm 2012-2014

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
1	Quỹ đầu tư phát triển	16.594	16.930	17.637
2	Quỹ dự phòng tài chính	3.071	3.226	3.335

3	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	3.258	3.576	3.057
Tổng cộng		**22.923**	**23.732**	**24.029**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2012,2013, 2014)

❖ **Tình hình công nợ**

▪ ***Các khoản phải thu:***

Các khoản phải thu của Công ty đều là các khoản phải thu ngắn hạn, chiếm 25%-32% trong tổng tài sản ngắn hạn sau hợp nhất giai đoạn từ 31/12/2012 – 31/12/2014, và có xu hướng giảm tỷ trọng theo thời gian.

Các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
I	**Phải thu ngắn hạn**	**71.954**	**52.715**	**31.910**	**25.746**
1	Phải thu khách hàng	28.387	26.863	7.052	1.505
2	Trả trước cho người bán	5.246	1.322	1.420	1.532
3	Các khoản phải thu khác	38.321	24.529	23.439	22.709
4	Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	-
II	**Phải thu dài hạn**	**-**	**-**	**-**	**1.580**
1	Phải thu khách hàng	-	-	-	-
2	Trả trước cho người bán	-	-	-	-
3	Các khoản phải thu khác	-	-	-	1.580
4	Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	-
Tổng cộng		**71.954**	**52.715**	**31.910**	**27.326**

(Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và BCTC công ty mẹ tổng hợp 9 tháng đầu năm 2015)

Các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
I	**Phải thu ngắn hạn**	**72.874**	**52.014**	**34.608**	**44.115**
1	Phải thu khách hàng	42.501	41.031	20.427	16.126
2	Trả trước cho người bán	6.163	2.700	2.698	2.798
3	Các khoản phải thu khác	26.098	10.294	14.042	25.685
4	Dự phòng phải thu khó đòi	-1.889	(2.012)	(2.558)	(602)
5	Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	-	108
II	**Phải thu dài hạn**	**-**	**-**	**-**	**40**
1	Phải thu khách hàng	-	-	-	-
2	Trả trước cho người bán	-	-	-	-
3	Các khoản phải thu khác	-	-	-	1.996
4	Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	(1.956)
Tổng cộng		**72.874**	**55.849**	**34.608**	**44.155**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2012, 2014 và BCTC hợp nhất tổng hợp 9 tháng đầu năm 2015)

- ***Các khoản phải trả:***

Các khoản phải trả của công ty mẹ và sau hợp nhất chủ yếu là nợ ngắn hạn, chiếm trung bình khoảng 75-82% so với tổng nợ phải trả và có xu hướng giảm dần qua các năm. Tại thời điểm cuối năm 2012 thì nợ ngắn hạn hợp nhất là 148,87 tỷ đồng, sang năm 2013 số dư nợ ngắn hạn này cuối năm là 129,69 tỷ đồng – giảm 12,88% so với năm 2012, năm 2014 nợ ngắn hạn là 82,4 tỷ đồng – giảm 36,46% so với năm 2013. Từ năm 2012 trở về trước, chiếm tỷ trọng lớn nhất là các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác (chủ yếu là phải trả SCIC) với khoảng 50% so với tổng các khoản nợ ngắn hạn. Từ năm 2014 trở đi, Minexco đã thanh toán xong khoản phải trả SCIC, nên số dư các khoản phải trả phải nộp này giảm đáng kể, nên khoản vay ngắn hạn ngân hàng để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động và tài trợ thương mại xuất khẩu của Công ty chiếm tỷ trọng lớn nhất 46,7% so với nợ ngắn hạn. Các khoản vay này đều theo hợp đồng vay ngoại tệ (USD) với lãi suất thấp, khoảng 3%-4%/năm. Đây cũng là lợi thế lớn của doanh nghiệp trong bối cảnh chi phí lãi vay đồng nội tệ VND trong giai đoạn 2011-2013 rất cao.

Còn các khoản nợ dài hạn của MINEXCO chủ yếu là khoản vay dài hạn với bạn hàng lâu năm của Công ty là Công ty T&W Enterprise Co.,Ltd (Nhật Bản) để xây dựng Cảng cát Đầm Môn và nhà máy tuyển rửa. Khoản vay này không chịu lãi, và nợ gốc được thanh toán bằng khấu trừ vào tiền bán hàng xuất khẩu.

Các khoản phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
I	**Nợ ngắn hạn**	**135.034**	**109.940**	**70.421**	**43.419**
1	Vay và nợ ngắn hạn	31.789	48.017	32.890	28.552
2	Phải trả cho người bán	17.521	23.198	13.790	2.063
3	Người mua trả tiền trước	127	45	46	179
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	7.197	1.278	-	19
5	Phải trả người lao động	6.891	5.808	9.960	1.734
6	Chi phí phải trả	3.333	2.839	274	2.669
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	65.374	25.121	10.779	5.310
8	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	2.798	3.630	2.682	2.903
II	**Nợ dài hạn**	**24.624**	**23.945**	**24.463**	**23.563**
1	Vay và nợ dài hạn	24.624	23.945	23.191	23.191
2	Phải trả dài hạn khác	-	-	-	-
3	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	1.272	-
4	Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-	373
Tổng cộng		**159.658**	**133.886**	**94.884**	**66.982**

(Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và BCTC công ty mẹ tổng hợp 9 tháng đầu năm 2015)

Các khoản phải trả của Công ty Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
I	**Nợ ngắn hạn**	**148.871**	**129.693**	**82.405**	**72.498**
1	Vay và nợ ngắn hạn	31.789	49.764	34.515	28.552
2	Phải trả cho người bán	14.685	15.963	11.275	7.628

3	Người mua trả tiền trước	2.262	3.124	1.327	2.444
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	10.070	6.800	1.823	2.269
5	Phải trả người lao động	9.575	10.709	13.425	5.128
6	Chi phí phải trả	4.267	3.881	1.345	3.316
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	72.960	35.514	15.638	19.378
8	Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-	109
9	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	3.258	3.939	3.057	3.673
II	**Nợ dài hạn**	**26.462**	**27.472**	**27.101**	**27.035**
1	Vay và nợ dài hạn	24.624	25.743	24.120	23.191
2	Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	1.733
3	Phải trả dài hạn khác	1.838	1.729	1.709	1.729
4	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	1.272	-
5	Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-	373
Tổng cộng		**175.333**	**156.684**	**109.506**	**99.533**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2012, 2014 và BCTC hợp nhất tổng hợp 9 tháng đầu năm 2015)

12.2. Tình hình công nợ với SCIC

- Công ty cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa được cổ phần hóa theo Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Theo đó, Hội đồng quản trị SCIC (nay là Hội đồng thành viên) đã quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa bao gồm cả giá trị lợi thế vị trí địa lý các lô đất thuê theo hình thức trả tiền hàng năm với tổng số tiền là 59.617.532.000 đồng. Công ty cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa có trách nhiệm phải trả về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp do SCIC quản lý. Cho tới thời điểm hiện tại, Công ty cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa đã thanh toán đầy đủ khoản tiền này về SCIC. Lãi chậm nộp tiền cổ phần hóa, số tiền: 14.054.995.745 đồng, SCIC và Công ty cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa đang phối hợp để báo cáo Bộ Tài chính xem xét xử lý số tiền này.
- Về giá trị lợi thế vị trí địa lý:

Giá trị lợi thế vị trí địa lý của Công ty cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa được xác định tại thời điểm cổ phần hóa như sau:

Bảng xác định giá trị lợi thế vị trí địa lý (thời điểm 31/12/2007)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên lô đất	Diện tích (m^2)	Giá đất theo quy định của UBND tỉnh Khánh Hòa	Giá chuyển nhượng quyền QSD đất thực tế	Giá trị lợi thế
1	Trụ sở văn phòng làm việc	663,7	5.000.000	26.200.000	14.070.440.000
2	Đất văn phòng đội Ba Ngòi	500	1.350.000	3.600.00	1.125.000.000
3	Kho chứa cát K1	4.800	1.350.000	3.600.000	10.800.000.000
4	Kho chứa cát K2	5.638	702.000	2.520.000	10.249.884.000
5	Kho chứa cát K3	5.101	702.000	2.520.000	9.237.618.000
6	Kho chứa cát K4	7.755	702.000	2.520.000	14.098.590.000
	TỔNG CỘNG	**2.4457,7**			**59.617.532.000**

Nguồn: Công văn số 1856/ĐTKDV-QLVĐT3 ngày 06/7/2015 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc xác nhận giá trị lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa doanh nghiệp

12.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Khả năng thanh toán			
Tỷ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,36	1,49	1,81
Tỷ số thanh toán nhanh (lần)	1,29	1,34	1,78
Tỷ số thanh toán tiền mặt (lần)	0,30	0,78	1,11
Hiệu quả hoạt động			
Vòng quay các khoản phải thu (vòng)	3,94	4,86	13,13
Vòng quay các khoản phải trả (vòng)	11,57	9,97	8,29
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	17,60	14,76	16,75
Số ngày các khoản phải thu (ngày)	93	75	28
Số ngày các khoản phải trả (ngày)	32	37	44

Số ngày hàng tồn kho (ngày)	21	25	22
Vòng quay Tổng tài sản (vòng)	0,79	0,95	0,78
Khả năng sinh lời			
Tỷ suất Lợi nhuận gộp/DT thuần	0,37	33,07%	31,17%
Tỷ suất Lợi nhuận thuần HĐ SXKD/DT thuần	7,44%	8,30%	6,85%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/DT thuần	6,39%	6,28%	4,99%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq (ROA)	5,05%	5,96%	3,91%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bq (ROE)	9,34%	11,02%	6,53%
Khả năng quản lý công nợ			
Tổng Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,92	0,77	0,56
Tổng Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,48	0,44	0,36

Nguồn: Các chỉ số tài chính được tính toán từ số liệu các BTCT công ty mẹ được kiểm toán năm 2012, 2013 và 2014

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty Hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Khả năng thanh toán			
Tỷ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,52	1,66	2,16
Tỷ số thanh toán nhanh (lần)	1,30	1,39	1,86
Tỷ số thanh toán tiền mặt (lần)	0,37	0,86	1,10
Hiệu quả hoạt động			
Vòng quay các khoản phải thu (vòng)	5,18	7,42	8,53
Vòng quay các khoản phải trả (vòng)	21,61	21,84	20,27
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	8,77	9,81	9,18
Số ngày các khoản phải thu (ngày)	70	49	43
Số ngày các khoản phải trả (ngày)	17	17	18
Số ngày hàng tồn kho (ngày)	42	37	40
Vòng quay Tổng tài sản (vòng)	1,01	1,31	1,15
Khả năng sinh lời			
Tỷ suất Lợi nhuận gộp/DT thuần	32,94%	27,68%	25,21%

Tỷ suất Lợi nhuận thuần HĐ SXKD/DT thuần	6,20%	6,49%	6,42%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/DT thuần	4,73%	4,11%	4,73%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq (ROA)	4,78%	5,36%	5,45%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bq (ROE)	9,38%	10,78%	9,94%
Khả năng quản lý công nợ			
Tổng Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,99	0,90	0,62
Tổng Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,48	0,46	0,37

Nguồn: Các chỉ số tài chính được tính toán từ số liệu các BTCT hợp nhất được kiểm toán năm 2012, và 2014

13. Tài sản

13.1. Danh mục tài sản tính đến ngày 31/12/2014

Danh mục tài sản tính đến ngày 31/12/2014 của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**56.523**	**45.055**	**11.468**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	16.740	9.092	7.648
2	Máy móc, thiết bị	36.096	28.768	1.252
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.255	563	1.692
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	200	151	50
5	Tài sản cố định khác	7.306	6.482	825
II	**Bất động sản đầu tư**	**-**	**-**	**-**
III	**Tài sản cố định vô hình**	**3.612**	**3.193**	**419**
1	Phần mềm máy vi tính	319	320	-
2	Quyền sử dụng đất	8	-	8
3	Giấy phép khai thác khoáng sản	946	535	411
4	Tài sản cố định vô hình khác	2.339	2.339	-
Tổng		**60.135**	**48.248**	**11.887**

(Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2014)

Danh mục tài sản tính đến ngày 31/12/2014 của Công ty Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**153.350**	**101.446**	**61.905**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	43.043	22.404	20.639
2	Máy móc, thiết bị	76.070	54.953	21.117
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	26.570	17.391	9.179
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	328	209	119
5	Tài sản cố định khác	7.340	6.489	851
II	**Bất động sản đầu tư**	**10.410**	**1.100**	**9.310**
III	**Tài sản cố định vô hình**	**7.916**	**3.921**	**3.995**
1	Phần mềm máy vi tính	320	320	-
2	Giá trị quyền sử dụng đất	4.312	727	3.584
3	Giấy phép khai thác khoáng sản	946	535	411
4	Tài sản cố định vô hình khác	2.339	2.339	-
Tổng		**171.676**	**106.467**	**75.210**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014)

13.2. Tình hình sử dụng đất đai

Hiện tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa đang quản lý, sử dụng tổng cộng 19 khu đất và mỏ trong đó có 16 mảnh đất là đất thuê trả tiền hàng năm, 2 mảnh đất mua lại của dân và 1 mảnh đất giao thuộc các huyện tại tỉnh Khánh Hòa. Cụ thể tình hình sử dụng đất đai trong kinh doanh tại Công ty như sau:

- **Các lô đất Công ty đang thuê và được giao:**

STT	TÊN KHU ĐẤT	ĐỊA ĐIỂM	Diện tích được giao, cho thuê (m2)	Quyết định, HĐKT	Hiện trạng	Tình trạng
01	Nhà làm việc Ba Ngòi	Cam Linh, Cam Ranh, Khánh Hòa	500	Hợp đồng kinh tế số 1659/HĐKT ngày 05/7/1995	Đang sử dụng	Theo hợp đồng1659/HĐKT, Công ty được thuê đất từ 1/4/1995 đến 30/3/1996 Nay đã hết hạn thuê đất
02	Kho chứa cát K1	Cam Linh, Cam Ranh, Khánh Hòa	4,198,8	Quyết định thuê đất số 2951/QĐ-UBND ngày 04/11/2014	Đang sử dụng. Nay đã được chuyển đổi mục đích sử dụng sang đầu tư dự án Khách sạn – Nhà hàng Minexco Cam Ranh theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3712100051 1 ngày 23/07/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa	Thời hạn thuê đất kể từ ngày ký quyết định đến hết ngày 23/07/2054
03	Kho chứa cát K2	Cam Linh, Cam Ranh, Khánh Hòa	5.638	Quyết định số 3420/QĐ-UB ngày 03/10/2002 Hợp đồng kinh tế số 1660/HĐKT ngày 5/7/1995	Đang sử dụng	Đã hết hạn thuê đất từ ngày 03/10/2007

04	Kho chứa cát K3	Cam Linh, Cam Ranh, Khánh Hòa	5.101	Quyết định số 2299/QĐ-UB ngày 17/08/1998 Hợp đồng thuê đất số 30/HĐ-TĐ ngày 30/11/1998	Đang sử dụng	Theo hợp đồng thuê đất số 30/HĐ-TĐ, Công ty được thuê đất trong 20 năm kể từ ngày 17/8/1998 Sẽ hết hạn thuê đất ngày 17/8/2018
05	Kho chứa cát K4	Cam Linh, Cam Ranh, Khánh Hòa	7.755	3420/QĐ-UB ngày 03/10/2002	Đang sử dụng	Đã hết hạn thuê đất từ ngày 03/10/2007
06	Nhà máy Cam thành Bắc	Cam Thành Bắc, Cam Lâm, Khánh Hòa	5.335	Quyết định số 5670/QĐ-UB ngày 4/12/1997	Dừng sản xuất	Theo quyết định số 5670/QĐ-UB, Công ty được thuê đất trong 10 năm kể từ ngày 15/12/1997
07	Văn phòng công ty	248 đường Thống Nhất, Phường Phương Sơn, Nha Trang	663,7	Quyết định số 3657/QĐ-UB ngày 17/12/1998 Hợp đồng thuê đất số 01/99 HĐ-TĐ ngày 4/1/1999	Đang sử dụng	Theo hợp đồng thuê đất số 01/99 HĐ-TĐ, Công ty được thuê đất trong 20 năm kể từ ngày 17/12/1998 Sẽ hết hạn thuê đất ngày 17/12/2018
08	Đất khai thác cát trắng Thủy Triều	Cam Hải Đông, Cam Lâm, Khánh Hòa	181.196	2274/QĐ-UB ngày 01/9/2004	Đang san lấp trả lại mặt bằng cho UBND tỉnh	Đã hết hạn thuê đất từ ngày 31/12/2005
09	Đất khai thác cát trắng Thủy Triều	Cam Hải Đông, Cam Lâm, Khánh Hòa	44.117	Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 11/8/2011	Đang san lấp trả lại mặt bằng cho UBND tỉnh	Đã hết hạn thuê đất từ ngày 31/12/2012
10	Đất khai thác cát vàng Đầm Môn	Vạn Thạnh, Vạn Ninh, Khánh Hòa	46.300	Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 29/10/2007Hợp đồng thuê đất ngày 13/3/2008	Đang sử dụng làm đường vào lô khai thác (sẽ trả lại cho tỉnh)	Đã hết hạn thuê đất từ ngày 31/12/2010
11	Đất khai thác cát vàng Đầm Môn	Thôn Đầm Môn, Vạn Thạnh, Vạn Ninh, Khánh Hòa	38.300	Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 29/4/2011 Hợp đồng thuê đất ngày	Đang sử dụng	Theo hợp đồng thuê đất, Công ty được thuê đất từ ngày 28/2/2011 đến ngày 28/2/2016

				15/8/2011		
12	Nhà ở tập thể thủy triều	Cam Hải Đông, Cam Lâm, Khánh Hòa	2.070	Quyết định số 34/UB ngày 25/01/1994 của UBND huyện Cam Ranh	Đang sử dụng	Mua lại của dân
13	Nhà xưởng Đầm môn	Vạn thạnh, Vạn Ninh, Khánh Hòa	15.171	Hợp đồng thuê đất số 08/HĐKT ngày 14/7/1993	Đang sử dụng	Công ty được thuê đất trong 10 năm kể từ ngày 18/1/1996 Nay đã hết hạn thuê đất
14	Văn phòng Xưởng Đầm Môn	Vạn thạnh, Vạn Ninh	500	Được giao trong Quyết định số 588/QĐ-UB ngày 05/9/1992, giao đất xây dựng Cảng Đầm Môn	Đang sử dụng	Mua lại của dân
15	Cảng Đầm Môn	Vạn thạnh, Vạn Ninh, Khánh Hòa	40.000	Quyết định số 588/QĐ-UB ngày 05/9/1992	Đang sử dụng	Giao đất
16	Mỏ cát trắng Thủy Triều, Cam Ranh	Cam Ranh, Khánh Hòa	350 ha	Quyết định khai thác mỏ 316/CNNg-KTM ngày 25/8/1990	Hết trữ lượng khai thác	Giấy phép khai thác khoáng sản
17	Mỏ đá Tân Dân	Thôn Tân Dân, xã Vạn Thắng, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, Khánh Hòa	6,86 ha	Giấy phép khai thác mỏ số 1321/GP-BTNMT ngày 27/7/2010	Đang khai thác	Giấy phép khai thác khoáng sản
18	Mỏ cát vàng Đầm Môn	Đầm Môn, Khánh Hòa	3,83 ha	Giấy phép số 319/GP-BTNMT ngày 28/2/2011	Đang khai thác	Được khai thác trong 5 năm kể từ ngày 28/2/2011 Sẽ hết hạn khai thác từ ngày 28/2/2016
19	Mỏ cát Phong Điền, Huế	Trầm Bầu Bàng, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	87,7 ha	Giấy phép số 561/GP-BTNMT ngày 17/3/2015	Đang khai thác	Được khai thác trong 30 năm kể từ ngày 17/3/2015

(Nguồn: CTCP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa)

- Đất văn phòng Đội Ba Ngòi và các Kho chứa cát K 1, K2, K3, K4 : Đây là những lô đất thuê theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm nằm trong quy hoạch của tỉnh Khánh Hòa, hiện công ty vẫn đang sử dụng và nộp tiền thuê đất hàng năm, mặc dù đã hết thời hạn

thuê theo hợp đồng; đến thời điểm này, UBND tỉnh Khánh Hòa và UBND thành phố Cam Ranh chưa có ý kiến gì về các lô đất nói trên.

- Mỏ Thủy triều đang dừng khai thác kể từ ngày 31/12/2013 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa số 2241/QĐ-UBND ngày 11/9/2012.
- Mỏ Đầm Môn: theo giấy phép số 319/GP-BTNMT ngày 28/02/2011 với thời hạn khai thác là 05 năm, tính đến 31/12/2014 trữ lượng còn lại là 112.953 Tấn; trong năm 2015 dự kiến sẽ khai thác hết trữ lượng này.
- Đất Khai thác mỏ Thủy Triều – Cam Ranh, trong năm 2014 Công ty không còn quyền khai thác cát tại mỏ này, đồng thời trong năm Công ty đã tiến hành san lấp hoàn thổ trả lại mặt bằng cho tỉnh;
- Đất Khai thác mỏ Đầm Môn, trong năm 2015 Công ty tiến hành khai thác nốt sản lượng còn dư và đang làm thủ tục hoàn trả đất cho UBND tỉnh.
- Mỏ cát Phong Điền, Thừa Thiên Huế, trong năm 2015 Công ty được cấp giấy phép khai thác, hiện nay Công ty đang hoàn thiện các thủ để được khai thác và xuất khẩu cát.
- Đất giao xây dựng Cảng Đầm Môn (40.000m2) nằm trong quy hoạch cảng Trung chuyển quốc tế Vân Phong đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt, Công ty sẽ tiến hành bàn giao khi dự án được triển khai.

14. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
Hội đồng quản trị				
1	Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	0%
2	Trịnh Văn Hiền	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	10.000	0,07%
3	Nguyễn Minh Khải	Thành viên HĐQT	12.100	0,09%
4	Đinh Võ Bến Hải	Thành viên HĐQT	13.200	0,09%
5	Phạm Thành Đô	Thành viên HĐQT	-	0%
Ban kiểm soát				
1	Nguyễn Đình An	Trưởng ban Kiểm soát	-	0%
2	Lê Khúc	Thành viên ban Kiểm soát	-	0%
3	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên ban Kiểm soát	-	0%
Ban Giám đốc				
1	Trịnh Văn Hiền	Tổng Giám đốc	10.000	0,07%
2	Đinh Võ Bến Hải	Phó Tổng Giám đốc	19.600	0,14%
3	Nguyễn Minh Khải	Phó Tổng Giám đốc	12.100	0,09%
Kế toán trưởng				
1	Trần Thị Nguyệt	Kế toán trưởng	-	-

15. Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm tiếp theo

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 tổ chức ngày 25/04/2015 đã thông qua phương án hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất trong năm 2015 và kế hoạch đầu tư phát triển và tái cấu trúc Công ty chi tiết như sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	% tăng giảm so với 2014
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	140	140	0%
2	Sản lượng tiêu thụ				
-	Cát xuất khẩu	Tấn	550.000	285.000	-48,18%
-	Đá khối Granite	M^3	19.413	12.500	-35,61%
-	Đá cưa xẻ Granite	M^2	290.489	260.000	-10,50%
-	Gạch Terrazzo	M^2	74.742	75.000	0,35%
-	Mộc XK & nội địa	ΦTP	3.221	3.175	-1,43%
-	Nhiên liệu	Lít	1.173.057	500.000	-57,38%
-	Vận chuyển	Tấn	624.291	140.000	-77,57%
-	Sodium silicate	Tấn	31	-	-100%
3	Tổng doanh thu *Trong đó Công ty mẹ*	Triệu đồng	511.761 *31.961*	194.000 *66.000*	-62,09% *106,50%*
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	114.368	33.687	-70,55%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế *Trong đó Công ty mẹ**	Triệu đồng	22.114 *19.816*	18.360 *11.500*	-16,98% *-41,97%*
6	Cổ tức tối thiểu	%	7,5	6,0	-20%

*: Lợi nhuận trước thuế chưa tính phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh và dự phòng khoản lỗ đầu tư vào công ty con.

16. Cơ sở xây dựng chỉ tiêu kế hoạch:

Việc xây dựng chỉ tiêu kế hoạch về cát trắng dựa trên cơ sở thị trường và thực tế nguồn nguyên liệu đầu vào hiện có theo giấy phép được cấp, nếu trong quá trình thực hiện, công ty được cấp có thẩm quyền cho phép có thêm nguồn nguyên liệu mới thì sẽ điều chỉnh bổ sung kế hoạch cho phù hợp.

Tình hình kinh doanh năm 2015 được Công ty nhận định tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn thách thức lớn chưa từng có, đó là:

- Nguyên liệu cát Thủy Triều đã hết vào cuối năm 2013, công ty đã phải giải thể một số đơn vị khai thác, vận chuyển cát và tiếp tục sẽ phải xem xét giải thể tiếp các đơn vị sản xuất thuộc Khu vực Thủy Triều nếu không có nguồn nguyên liệu nào khác, đồng thời sẽ phải giảm biên chế khu vực văn phòng công ty và khu vực sản xuất khác để phù hợp tình hình. Việc không có sản lượng cát ở Thủy Triều cũng ảnh hưởng xấu tới tình hình SXKD của Công ty CP dịch vụ vận tải Ô tô Cam Ranh – Công ty con của Minexco.
- Tình hình kinh tế chung của cả nước phục hồi chưa vững chắc nên chắc chắn sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất kinh doanh của công ty, nhất là những sản phẩm tiêu thụ nội địa như terrazzo, sodium silicate.

17. Kế hoạch đầu tư các dự án và tái cấu trúc các công ty con

- Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm đối tác thực hiện dự án Silicon Metal tại Bình Định;
- Nghiên cứu triển khai dự án khai thác chế biến xuất khẩu cát to Bình Định thay thế cho cát Cam Thành Bắc;
- Đẩy mạnh tìm kiếm thị trường, kể cả xuất khẩu Sodium silicate và sản xuất thử thành công Carbon trắng. Tiến hành lập Dự án sản xuất Sodium Silicate công suất 50.000 tấn/năm hướng đến xuất khẩu hoàn toàn sản phẩm;
- Xin khai thác mở rộng mỏ Tân Dân và Suối Lau của Công ty CP chế biến gỗ Việt Đức. Tính toán việc mở rộng sản xuất và đầu tư chiều sâu cho Nhà máy đá của Granco và Khaviwood;
- Tìm kiếm giải pháp tháo gỡ, thay đổi sản phẩm cho Tertico trong điều kiện khó khăn hiện nay;
- Triển khai dự án kho chứa cát K1 – Cam Ranh thông qua mô hình và phương thức hoạt động mới hiệu quả hơn, bao gồm các công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Minexco và các công ty TNHH một thành viên do Minexco sở hữu 100% vốn điều lệ, trên cơ sở căn cứ vào đặc điểm, lợi thế so sánh và tình hình thực tế hoạt động tại các công ty con để tiến hành phân tích, đánh giá và đưa ra các hình thức phù hợp cho từng công ty;
- Tham gia đấu giá quyền khai thác các mỏ cát trắng có tiềm năng do Bộ Tài nguyên và môi trường tổ chức để tạo nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có.

19. Các lưu ý về Bản Công bố thông tin

- Bản Công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương xây dựng một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Khoáng sản và đầu tư Khánh Hòa cung cấp.
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và đầu tư Khánh Hòa chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn chính xác, phù hợp với thực tế, để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty.
- Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản Công bố thông tin và Quy chế đấu giá trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá. Các nhà đầu tư tham dự đấu giá tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.
- Một số lưu ý và tình hình sử dụng đất đai của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa:
    - Kết thúc năm 2014, Minexco đã phải dừng khai thác tại mỏ cát trắng Thủy Triều - Cam Ranh – Khánh Hòa do mỏ cát này, mặc dù đã được Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 về việc Quy hoạch thăm dò khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến 2020 đồng ý cho khai thác, xuất khẩu và còn trữ lượng hơn 3,5 triệu tấn, nhưng UBND tỉnh Khánh Hoà yêu cầu dừng khai thác, xuất khẩu để tập trung cho du lịch. Ngoài ra trong năm 2015 trữ lượng khai thác theo giấy phép đã cấp tại mỏ cát vàng Đầm Môn – Vạn Ninh – Khánh Hòa cũng sẽ hết. Từ năm 2014 Công ty đã phải mua phần lớn cát nguyên liệu từ các đơn vị bên ngoài để sản xuất thành phẩm cát xuất khẩu.
    - Minexco hiện mới xin được giấy phép khai thác tại mỏ cát Trầm Bàu Bàng – Phong Điền – Thừa Thiên Huế theo giấy phép số 561/GP- BTNMT ngày 17/3/2015 thời hạn 30 năm, trữ lương là 3.864.263 tấn.
    - Công ty Minexco hiện đang có dự án đầu tư Khách sạn – Nhà hàng Minexco Cam Ranh tại Kho K1 trước đây của Công ty với diện tích đất thực hiện dự án 4.196,4 m^2. Hiện nay Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000511 ngày 23/07/2014, và Quyết định thuê đất để thực hiện dự án số 2951/QĐ-UBND ngày 04/11/2014 với thời hạn thuê đất kể từ ngày ký quyết định đến hết ngày 23/07/2054. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa có kế hoạch chi tiết triển khai dự án, và theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 họp ngày 25/04/2015, Công ty đưa ra kế hoạch triển khai dự án nêu trên thông qua mô hình hợp tác phù hợp.

- Trước đây khi thực hiện cổ phần hóa năm 2008 đã tính toán giá trị lợi thế vị trí địa lý đối với các lô đất: trụ sở văn phòng làm việc, đất văn phòng đội Ba Ngòi, Kho chứa cát K1, K2, K3, K4 với tổng giá trị là 59.617.532.000 đồng vào giá trị doanh nghiệp và hạch toán tăng phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Đồng thời Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước có công văn số 1856/ĐTKDV-QLVĐT3 ngày 06/07/2015 về việc xác nhận giá trị lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa doanh nghiệp để thực hiện việc khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp của doanh nghiệp.
- Như thông tin chúng tôi đã nêu tại mục 13.2 Tình hình sử dụng đất đai ở trên, đối với các khu đất Công ty Minexco đang sử dụng dưới hình thức là đất thuê trả tiền hàng năm, và phần lớn đều hết hạn hoặc sắp hết hạn thuê đất, hiện nay Công ty cũng chưa có thông tin về việc ký lại hợp đồng thuê đất hay gia hạn thời hạn thuê đất đối với các mảnh đất trên.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN CỔ PHẦN

1. Những thông tin cơ bản về đợt bán cổ phần

- Cổ phần chào bán : Cổ phần Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa
- Địa chỉ : 248 Thống Nhất, Phường Phương Sơn, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại : (84-58) 3821283 Fax: (84-58) 3823846
- Vốn điều lệ : 140.000.000.000 đồng *(Một trăm bốn mươi tỷ đồng)*
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần chào bán : 12.500.000 cổ phần, trong đó:
  - *Chào bán thông qua đấu giá công khai: 3.750.000 cổ phần*
  - *Chào bán cho đối tác chiến lược: 8.750.000 cổ phần*
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 125.000.000.000 đồng
- Giá khởi điểm bán đấu giá : 12.800 đồng/cổ phần
- Bước giá : Theo quy định tại ***Quy chế đấu giá***
- Bước khối lượng : Theo quy định tại ***Quy chế đấu giá***
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân được đăng ký mua tối thiểu: Theo quy định tại ***Quy chế đấu giá***.
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân được đăng ký mua tối đa: Tổng số lượng cổ phần chào bán thông qua đấu giá công khai.
- Phát/tiếp nhận Đơn đăng ký tham gia đấu giá và phát Phiếu tham dự đấu giá: Theo quy định tại ***Quy chế đấu giá***.
- Nộp tiền cọc : Theo quy định tại ***Quy chế đấu giá***
- Nộp Phiếu tham dự đấu giá : Theo quy định tại ***Quy chế đấu giá***
- Tổ chức thực hiện đấu giá : **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

  Địa chỉ: Số 2, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm Hà Nội

  ĐT: (84-4) 39412626- Fax: (84.4) 39347818
- Nộp tiền mua cổ phần : Theo quy định tại ***Quy chế đấu giá***
- Thời gian hoàn tiền đặt cọc : Theo quy định tại ***Quy chế đấu giá***

2. Mục đích chào bán

Mục đích của việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của SCIC tại các doanh nghiệp mà SCIC không c ần giữ cổ phần. Việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông SCIC trong cơ cấu cổ đông của Công ty mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký.

3. Địa điểm công bố thông tin

Tại các đại lý đấu giá công bố trong quy chế đấu giá. Bản công bố thông tin còn được chuyển tải trên các trang Website: www.hnx.vn; www.ocs.com.vn; www.scic.vn;

4. Đối tượng tham gia đấu giá và các quy định liên quan

4.1. Đối tượng tham gia đấu giá

Là tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền đầu tư mua cổ phần của các doanh nghiệp tại Việt Nam, cụ thể:

- **Nhà đầu tư trong nước**: là cá nhân người Việt Nam, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; Có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có địa chỉ cụ thể, rõ ràng; Nếu người đại diện pháp nhân thì phải có giấy ủy quyền; Nếu là cá nhân phải có chứng minh nhân dân, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự.
- **Nhà đầu tư nước ngoài**: ngoài các quy định như đối với pháp nhân và cá nhân trong nước, phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.
- **Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư**: Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.

4.2. Điều kiện tham gia mua cổ phần

- Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo đúng mẫu và nộp đơn đăng ký đấu giá đúng thời hạn quy định.
- Đặt cọc đủ số tiền bằng giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo mức giá khởi điểm nhân với tỷ lệ đặt cọc được quy định tại ***Quy chế đấu giá*** do Ban tổ chức đấu giá công bố cùng thời điểm nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá.
- Tuân thủ các quy định của Quy chế đấu giá.

5. **Nộp đơn đăng ký tham gia đấu giá:** Theo quy định tại ***Quy chế đấu giá***

6. **Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá:** Theo quy định tại ***Quy chế đấu giá***

7. **Làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần:**

Ngay sau khi có kết quả đấu giá, kết quả đấu giá sẽ được thông báo tại các địa điểm công bố thông tin và trên cổng thông tin điện tử www.hnx.vn, www.ocs.com.vn, www.scic.vn để các Nhà đầu tư được biết, làm cơ sở để các bên phối hợp, triển khai các thủ tục chuyển nhượng liên quan tới Tổ chức chào bán cổ phần và Tổ chức phát hành.

8. **Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài**

Các nhà đầu tư nước ngoài được phép sở hữu tối đa tỷ lệ là 49% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản và đầu tư Khánh Hòa.

9. **Các loại thuế có liên quan:** Theo quy định của Pháp luật hiện hành

10. **Ngân hàng mở tài khoản nhận tiền mua cổ phần:**

Các nhà đầu tư tham khảo tại Quy chế đấu giá bán cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa do Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

VII. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp… cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch được/sẽ được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, đúng thẩm quyền, đảm bảo các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, tỷ lệ sở hữu, chào mua công khai …. phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) không chịu trách nhiệm về nội dung cũng như tính chính xác về mặt số liệu của Bản công bố thông tin này.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này và các nguồn thông tin có liên quan khác trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần.

Trân trọng cảm ơn.

VIII. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

Phụ lục 01: Bản sao hợp lệ Giấy đăng ký kinh doanh

Phụ lục 02: Quyết định bán cổ phần của SCIC tại CTCP Khoáng sản và đầu tư Khánh Hòa

Phụ lục 03: Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Khoáng sản và đầu tư Khánh Hòa

Phụ lục 04: Báo cáo tài chính của công ty mẹ được kiểm toán (đầy đủ) các năm 2012, 2013, năm 2014, và Báo cáo tài chính của công ty mẹ tổng hợp 9 tháng đầu năm 2015

Phụ lục 05: Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán (đầy đủ) các năm 2012, năm 2013, năm 2014, và Báo cáo tài chính hợp nhất tổng hợp 9 tháng đầu năm 2015

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CTCP KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA
TỔNG GIÁM ĐỐC

TRỊNH VĂN HIỂN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ
CTCP CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ HỒNG SƠN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NHỮ THỊ HỒNG LIÊN